

**THPT CHU VĂN AN**

**Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức**

**Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An**

**SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC VIÊN**  
**CẤP GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

**LỚP 11C3**

**NĂM HỌC: 2024-2025**





**THPT CHU VĂN AN**

**Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức**

**Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An**

# **SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC VIÊN**

## **CẤP GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

**TRƯỜNG GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**  
**THPT CHU VĂN AN**

**Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức**

**Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức**

**Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An**

**Lớp 11C3      Năm học: 2024-2025**

**GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Hiệu trưởng**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Đinh Thị Hồng Lan**

**Nguyễn Minh Triều**

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC VIÊN

1. Sổ theo dõi và đánh giá học viên (theo lớp học) được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học viên (theo lớp học) do trung tâm quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học viên (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học viên (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học viên đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học viên đối với từng môn học.  
  
Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học viên (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.
4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học viên (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Trung tâm, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học viên trong Sổ theo dõi và đánh giá học viên (theo lớp học) cho riêng từng học viên hoặc cha mẹ học viên.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC VIÊN

| Số TT | Họ và tên                    | Ngày, tháng, năm sinh | Nơi sinh           | Dân tộc         | Nam/ Nữ        | Đối tượng ưu tiên | Địa chỉ gia đình                                                                |
|-------|------------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------|----------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 1     | Nguyễn Tuấn Anh              | 22/07/2008            | Tp Hồ Chí Minh     | Kinh            | Nam            |                   | 61 Tô C, Khu 1A, Thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, Long An                       |
| 2     | Phan Nguyễn Hoài Ân          | 10/10/2008            | Tp Hồ Chí Minh     | Kinh            | Nam            |                   | Số 101, ấp Bình Hòa                                                             |
| 3     | Nguyễn Nam Bình              | 25/01/2007            | Tp Hồ Chí Minh     | Kinh            | Nam            |                   | 79 A, Ấp Đông Trung, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An                  |
| 4     | <del>Ngô Trần Minh Duy</del> | <del>22/10/2008</del> | <del>Long An</del> | <del>Kinh</del> | <del>Nam</del> |                   | <del>Ấp 2A, Tân Ân, Cần Đức, Long An</del>                                      |
| 5     | Hồ Thanh Duy                 | 09/12/2008            | Tp Hồ Chí Minh     | Kinh            | Nam            |                   | Ấp 2A, Tân Ân, Cần Đức, Long An                                                 |
| 6     | Nguyễn Thị Ngân Giang        | 03/08/2008            | Long An            | Kinh            | Nữ             |                   | 076, ấp 4, Phước Tuy, Cần Đức, Long An                                          |
| 7     | Huỳnh Ngọc Hà                | 05/01/2008            | Long An            | Kinh            | Nữ             |                   | 066 Ấp 7 Phước Tuy, Cần Đức, Long An                                            |
| 8     | Nguyễn Ngọc Hân              | 16/07/2008            | Long An            | Kinh            | Nữ             |                   | Ấp 4, Tân Ân, Cần Đức, Long An                                                  |
| 9     | Phan Thị Mai Huyền           | 30/09/2008            | Long An            | Kinh            | Nữ             |                   | 213 Ấp 2, Phước Đông, Cần Đức, Long An                                          |
| 10    | Võ Đăng Khoa                 | 13/03/2008            | Tiền Giang         | Kinh            | Nam            |                   | Ấp 5, Phước Đông, Cần Đức, Long An                                              |
| 11    | Thạch Khải Khoa              | 08/06/2008            | Sóc Trăng          | Kinh            | Nam            |                   | 346 Chùa Giác Tịnh, ấp Thuận Nam, xã Thuận Thành, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An |
| 12    | Nguyễn Ngọc Thuý Linh        | 06/06/2008            | Tp Hồ Chí Minh     | Kinh            | Nữ             |                   | Ấp 4, Phước Tuy, Cần Đức, Long An                                               |
| 13    | Nguyễn Thiện Nhân            | 20/12/2008            | Tp. Hồ Chí Minh    | Kinh            | Nam            |                   | 188 Khu phố 2, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An                               |
| 14    | Trần Ngọc Nhi                | 15/02/2008            | Long An            | Kinh            | Nữ             |                   | 88 B, Khu 8, Tổ 9, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An                           |
| 15    | Nguyễn Thị Tuyết Nhung       | 11/02/2007            | Long An            | Kinh            | Nữ             |                   | 191, Tô 19, Khu phố 8, thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An                       |
| 16    | Huỳnh Minh Phát              | 25/04/2008            | Long An            | Kinh            | Nam            |                   | Ấp 4, Tân Ân, Cần Đức, Long An                                                  |
| 17    | Phạm Văn Phi                 | 18/02/2008            | Tp Hồ Chí Minh     | Kinh            | Nam            |                   | Số 973, Ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An                                      |
| 18    | Huỳnh Thanh Phong            | 05/04/2008            | Long An            | Kinh            | Nam            |                   | 145, Tô 6, Khu 1C, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An                           |
| 19    | Chung Minh Tài               | 09/12/2007            | Tp. Hồ Chí Minh    | Kinh            | Nam            |                   | Số 7A, Khu phố 1B, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An                           |
| 20    | Võ Hoàng Minh Tài            | 28/01/2008            | Long An            | Kinh            | Nam            |                   | Ấp Xóm Mới, Tân Lâm, Cần Đức, Long An                                           |
| 21    | Huỳnh Tấn Tài                | 21/11/2008            | Long An            | Kinh            | Nam            |                   | 164 Ấp Rach Bông                                                                |
| 22    | Nguyễn Thành Tài             | 10/07/2008            | Long An            | Kinh            | Nam            |                   | 181, Khu phố 5, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An                              |
| 23    | Cam Vĩnh Thiên               | 23/05/2008            | Long An            | Kinh            | Nam            |                   | Số 10 ấp Tân Mỹ, Mỹ Lệ, Cần Đức, Long An                                        |
| 24    | Đào Phúc Thịnh               | 21/07/2008            | Tp. Hồ Chí Minh    | Kinh            | Nam            |                   | 220, ấp Tân Mỹ, Mỹ Lệ, Cần Đức, Long An                                         |
| 25    | Nguyễn Trúc Thanh Thuận      | 27/07/2008            | Tp. Hồ Chí Minh    | Kinh            | Nam            |                   | Ấp 6, Tân Ân, Cần Đức, Long An                                                  |
| 26    | Nguyễn Ngọc Minh Thư         | 09/10/2008            | Long An            | Kinh            | Nữ             |                   | Ấp 4, Tân Ân, Cần Đức, Long An                                                  |
| 26    | <del>Đặng Lệ Thủy</del>      | <del>16/02/2008</del> | <del>Long An</del> | <del>Kinh</del> | <del>Nữ</del>  |                   | <del>Ấp 6, Tân Ân, Cần Đức, Long An</del>                                       |
| 28    | Trương Nguyễn Bảo Trân       | 18/02/2008            | Tp Hồ Chí Minh     | Kinh            | Nữ             |                   | 90, Ấp Đông Trung, Tân Chánh, Cần Đức, Long An                                  |
| 29    | Nguyễn Ngọc Trân             | 16/06/2008            | Long An            | Kinh            | Nữ             |                   | 05A, Khu phố 4, thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An                              |
| 30    | Đỗ Minh Trí                  | 27/06/2008            | Tp Hồ Chí Minh     | Kinh            | Nam            |                   | 343 Ấp 6, Phước Tuy, Cần Đức, Long An                                           |
| 31    | Lê Thị Ngọc Trinh            | 21/12/2008            | Long An            | Kinh            | Nữ             |                   | Ấp 4, Phước Tuy, Cần Đức, Long An                                               |
| 32    | Lê Văn Trọng                 | 28/06/2007            | Tp Hồ Chí Minh     | Kinh            | Nam            |                   | 306 Tô 25, Khu phố 2, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An                        |
| 33    | Nguyễn Thị Thanh Trúc        | 02/05/2008            | Long An            | Kinh            | Nữ             |                   | 13, Khu 1C, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An                                  |
| 34    | Nguyễn Thanh Châu Tuấn       | 06/04/2008            | Long An            | Kinh            | Nam            |                   | Ấp 3 Phước Tuy, Cần Đức, Long An                                                |
| 35    | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền   | 19/01/2008            | Tp. Hồ Chí Minh    | Kinh            | Nữ             |                   | 87 Nhà Dài, Tân Lâm, Cần Đức, Long An                                           |
| 36    | Nguyễn Thị Thanh Tuyền       | 29/07/2008            | Long An            | Kinh            | Nữ             |                   | Ấp 4, Tân Ân, Cần Đức, Long An                                                  |
| 37    | Nguyễn Lê Cát Tường          | 29/09/2008            | Long An            | Kinh            | Nữ             |                   | Ấp 3, Phước Tuy, Cần Đức, Long An                                               |
| 38    | Nguyễn Thị Cẩm Vân           | 18/04/2007            | Long An            | Kinh            | Nữ             |                   | Ấp 1, Phước Tuy, Cần Đức, Long An                                               |
| 39    | Nguyễn Hồ Quốc Việt          | 03/09/2008            | Tp Hồ Chí Minh     | Kinh            | Nam            |                   | 204 Ấp 7 Phước Đông, Cần Đức, Long An                                           |
| 40    | Nguyễn Ngọc Thảo Vy          | 28/08/2008            | Tp. Hồ Chí Minh    | Kinh            | Nữ             |                   | 259 ấp Bà Thoại, Tân Lâm, Cần Đức, Long An                                      |
| 41    | Nguyễn Lê Như Ý              | 15/03/2008            | Long An            | Kinh            | Nữ             |                   | Ấp Bà Thoại, Tân Lâm, Cần Đức, Long An                                          |
| 42    | <del>Đỗ Thị Kim Yến</del>    | <del>09/07/2008</del> | <del>Long An</del> | <del>Kinh</del> | <del>Nữ</del>  |                   | <del>39, Khu phố 7, thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An</del>                    |

| Số TT | Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email<br>(hoặc người giám hộ) | Họ và tên mẹ, nghề nghiệp, điện thoại, email<br>(hoặc người giám hộ) | Những thay đổi cần chú ý trong năm học<br>(gia đình, sức khỏe, nơi ở ...) |
|-------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1     | Nguyễn Hồng Sơn - Tài xế                                              | Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Buôn bán                                      |                                                                           |
| 2     | Phan Hoài Phương - Làm ruộng                                          | Nguyễn Thị Ngọc Giao - Làm ruộng                                     |                                                                           |
| 3     | Nguyễn Văn Đông - Thuyền trưởng đi Xà Lan                             | Nguyễn Thị Nhân - Thợ may                                            |                                                                           |
| 4     | <del>Ngô Tấn Sơn - Làm nông</del>                                     | <del>Trần Thị Chiến - Làm nông</del>                                 |                                                                           |
| 5     | Hồ Thanh Tuấn - Công nhân                                             | .Đỗ Thị Bích Xuyên - Công nhân                                       |                                                                           |
| 6     | Nguyễn Thành Trung - Làm ruộng                                        | .Phạm Thị Thúy Diễm - Làm ruộng                                      |                                                                           |
| 7     | Huỳnh Hoàng Giang - Thợ xây dựng                                      | .Nguyễn Thị Ngọc Dung - Nội trợ                                      |                                                                           |
| 8     | Nguyễn Văn Út - Làm ruộng                                             | Nguyễn Ngọc Bích - Nội trợ                                           |                                                                           |
| 9     | Phan Công Phát - Làm nông                                             | Mai Thị Nương - Nội trợ                                              |                                                                           |
| 10    | Võ Văn Trung - Đi tàu                                                 | Nguyễn Thị Ngọc Yển - Nội trợ                                        |                                                                           |
| 11    |                                                                       | Thạch Thị Thu Hà -                                                   |                                                                           |
| 12    |                                                                       | Nguyễn Ngọc Lan - Công nhân                                          |                                                                           |
| 13    | Nguyễn Văn Lương - Công nhân                                          | Lê Thị Diễm - Công nhân                                              |                                                                           |
| 14    | Trần Quang Ngọc -                                                     | Phan Thị Kim Linh - Buôn bán tại nhà                                 |                                                                           |
| 15    | Nguyễn Văn Đông - Làm ruộng                                           | Võ Thị Kiều Oanh - Nhân viên                                         |                                                                           |
| 16    | Huỳnh Minh Pháp - Đi ghe                                              | Trần Thị Khắc - Đi ghe                                               |                                                                           |
| 17    | Phạm Văn An - Cơ Khí                                                  | Nguyễn Thị Kim Cúc - Nội trợ                                         |                                                                           |
| 18    | Huỳnh Thanh Sơn - Công nhân                                           | Đinh Thị Thu Hồng - Công nhân                                        |                                                                           |
| 19    |                                                                       | Chung Thị Minh Phương - Công Nhân, nội trợ                           |                                                                           |
| 20    | Võ Thanh Hùng - Công nhân                                             | Hoàng Thị Toan - Buôn bán                                            |                                                                           |
| 21    | Huỳnh Văn Tuấn - Công nhân                                            | Nguyễn Thị Ngọc Phiến - Công nhân                                    |                                                                           |
| 22    | Nguyễn Thành Trung - đi ghe                                           | Phạm Thị Châu - Nội trợ                                              |                                                                           |
| 23    | Cam Văn Tạng - Làm ruộng                                              | Đặng Thị Kim Thúy - Làm ruộng                                        |                                                                           |
| 24    | Đào Văn Phúc - Công Nhân                                              | Phạm Thị Linh Phi - Công nhân                                        |                                                                           |
| 25    | Nguyễn Trúc Chi - Thợ hồ                                              | Trần Thị Lệ Hằng - Công nhân                                         |                                                                           |
| 26    | Nguyễn Thanh Tường - Đi tàu                                           | Nguyễn Thị Ngọc Phượng - Nội trợ                                     |                                                                           |
| 26    | <del>Đặng Văn Lực - Thợ hồ</del>                                      | <del>Nguyễn Thị Hường - Nội trợ</del>                                |                                                                           |
| 28    | Trương Văn Thuốc - Đi tàu                                             | Nguyễn Thị Bích - Nội trợ                                            |                                                                           |
| 29    | Nguyễn Minh Tân - Buôn bán                                            | Lưu Thị Ngọc Ánh - Công nhân                                         |                                                                           |
| 30    | Đỗ Minh Tâm -                                                         | Trương Thị Hồng Phương - Thợ may                                     |                                                                           |
| 31    | Lê Văn Ngọc - Trồng trọt                                              | Nguyễn Thị Dùm - Trồng trọt                                          |                                                                           |
| 32    |                                                                       | Lê Thị Kiều - Công nhân                                              |                                                                           |
| 33    | Lê Văn Ngọc - Trồng trọt                                              | Nguyễn Thị Đạm - Công nhân                                           |                                                                           |
| 34    | Nguyễn Thành Châu - Thợ hồ                                            | Nguyễn Thị Thanh Ngọc - Công nhân                                    |                                                                           |
| 35    | Mai Hoàng Minh - Mát                                                  | Trịnh Thị Mỹ Hồng - Đưa rước trẻ đi học, bán vé số                   |                                                                           |
| 36    | Nguyễn Thanh Đào - Thợ hồ                                             | Nguyễn Thị Dung - Công nhân                                          |                                                                           |
| 37    | Nguyễn MINH Lộc - Buôn bán                                            | Nguyễn Thị Hân - Công nhân                                           |                                                                           |
| 38    | Nguyễn Minh Dũng - Công nhân                                          | Dương Thị Chung - Công nhân                                          |                                                                           |
| 39    | Nguyễn Linh Trường -                                                  | Hồ Thị Thu Cúc - Công nhân                                           |                                                                           |
| 40    | Nguyễn Thành Chinh - Thợ Điện                                         | Ung Thị Kim Thoa - Công nhân                                         |                                                                           |
| 41    | Nguyễn Minh Thái - Công nhân                                          | Lê Thị Mười Hai - Công nhân                                          |                                                                           |
| 42    | <del>Đỗ Thành Nhung - Thợ hồ</del>                                    | <del>Lê Thị Kim Huệ - Công nhân</del>                                |                                                                           |

| S<br>TT | Họ và tên                  | Ngày | 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | TS buổi nghỉ |   |   |
|---------|----------------------------|------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--------------|---|---|
|         |                            | Thứ  | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | TS           | P | K |
| 1       | Nguyễn Tuấn Anh            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 2       | Phan Nguyễn Hoài Ân        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 3       | Nguyễn Nam Bình            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 4       | Ngô Trần Minh Duy          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 5       | Hồ Thanh Duy               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 6       | Nguyễn Thị Ngân Giang      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 7       | Huỳnh Ngọc Hà              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 8       | Nguyễn Ngọc Hân            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 9       | Phan Thị Mai Huyền         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 10      | Võ Đăng Khoa               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 11      | Thạch Khải Khoa            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 12      | Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 13      | Nguyễn Thiện Nhân          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 14      | Trần Ngọc Nhi              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 15      | Nguyễn Thị Tuyết Nhung     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 16      | Huỳnh Minh Phát            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 17      | Phạm Văn Phi               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 18      | Huỳnh Thanh Phong          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 19      | Chung Minh Tài             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 20      | Võ Hoàng Minh Tài          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 21      | Huỳnh Tấn Tài              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 22      | Nguyễn Thành Tài           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 23      | Cam Vĩnh Thiên             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 24      | Đào Phúc Thịnh             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 25      | Nguyễn Trúc Thanh Thuận    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 26      | Nguyễn Ngọc Minh Thư       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 26      | Đặng Lê Thủy               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 28      | Trương Nguyễn Bảo Trân     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 29      | Nguyễn Ngọc Trân           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 30      | Đỗ Minh Trí                |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 31      | Lê Thị Ngọc Trinh          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 32      | Lê Văn Trọng               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 33      | Nguyễn Thị Thanh Trúc      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 34      | Nguyễn Thanh Châu Tuấn     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 35      | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 36      | Nguyễn Thị Thanh Tuyền     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 37      | Nguyễn Lê Cát Tường        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 38      | Nguyễn Thị Cẩm Vân         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 39      | Nguyễn Hồ Quốc Việt        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 40      | Nguyễn Ngọc Thảo Vy        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 41      | Nguyễn Lê Như Ý            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 42      | Đỗ Thị Kim Yến             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
|         | Tổng số                    |      | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0            | 0 | 0 |

Ti lệ:

có phép: 0%  
không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

Hiệu trưởng  
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

| S<br>TT | Họ và tên                    | Ngày | 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | TS buổi nghỉ |    |   |
|---------|------------------------------|------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--------------|----|---|
|         |                              | Thứ  | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | 31 | TS           | P  | K |
| 1       | Nguyễn Tuấn Anh              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 2       | Phan Nguyễn Hoài Ân          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 3       | Nguyễn Nam Bình              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 4       | <del>Ngô Trần Minh Duy</del> |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 5       | Hồ Thanh Duy                 |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 6       | Nguyễn Thị Ngân Giang        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1  | 1            | 0  |   |
| 7       | Huỳnh Ngọc Hà                |      |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1  | 1            | 0  |   |
| 8       | Nguyễn Ngọc Hân              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    | P  |    |    |    |    | 2  | 2            | 0  |   |
| 9       | Phan Thị Mai Huyền           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    | 2  | 2            | 0  |   |
| 10      | Võ Đăng Khoa                 |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 11      | Thạch Khải Khoa              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    | P  |    |    |    |    |    | 2            | 2  | 0 |
| 12      | Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 13      | Nguyễn Thiện Nhân            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 14      | Trần Ngọc Nhi                |      |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 2            | 2  | 0 |
| 15      | Nguyễn Thị Tuyết Nhung       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 16      | Huỳnh Minh Phát              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 17      | Phạm Văn Phi                 |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 18      | Huỳnh Thanh Phong            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 19      | Chung Minh Tài               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 20      | Võ Hoàng Minh Tài            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 21      | Huỳnh Tấn Tài                |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 22      | Nguyễn Thành Tài             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 23      | Cam Vĩnh Thiên               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 24      | Đào Phúc Thịnh               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 25      | Nguyễn Trúc Thanh Thuận      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 26      | Nguyễn Ngọc Minh Thư         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 26      | <del>Đặng Lê Thuỷ</del>      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 28      | Trương Nguyễn Bảo Trân       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 29      | Nguyễn Ngọc Trân             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1  | 1            | 0  |   |
| 30      | Đỗ Minh Trí                  |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 31      | Lê Thị Ngọc Trinh            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 32      | Lê Văn Trọng                 |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 33      | Nguyễn Thị Thanh Trúc        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 34      | Nguyễn Thanh Châu Tuấn       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 35      | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền   |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 36      | Nguyễn Thị Thanh Tuyền       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 37      | Nguyễn Lê Cát Tường          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 38      | Nguyễn Thị Cẩm Vân           |      |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 2            | 2  | 0 |
| 39      | Nguyễn Hồ Quốc Việt          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 40      | Nguyễn Ngọc Thảo Vy          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 41      | Nguyễn Lê Như Ý              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    | 2  | 2            | 0  |   |
| 42      | <del>Đỗ Thị Kim Yến</del>    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
|         | Tổng số                      |      | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 1  | 0  | 0  | 1  | 2  | 0  | 0  | 0  | 2  | 0  | 0  | 0  | 3  | 0  | 2  | 0  | 0  | 0  | 3  | 3  | 1  | 1  | 0  | 0  | 0  |    | 19           | 19 | 0 |

Ti lệ:

có phép: 100.00%  
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

Hiệu trưởng  
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

|                   |                                                     |                                          |
|-------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tỉ lệ:            | <b>Giáo viên chủ nhiệm</b><br>(Ký và ghi rõ họ tên) | <b>Hiệu trưởng</b><br>(Ký tên, đóng dấu) |
| có phép: 100.00%  |                                                     |                                          |
| không phép: 0.00% |                                                     |                                          |
|                   | <b>Đinh Thị Hồng Lan</b>                            | <b>Nguyễn Minh Triều</b>                 |



|                   |                                                     |                                          |
|-------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tỉ lệ:            | <b>Giáo viên chủ nhiệm</b><br>(Ký và ghi rõ họ tên) | <b>Hiệu trưởng</b><br>(Ký tên, đóng dấu) |
| có phép: 100.00%  |                                                     |                                          |
| không phép: 0.00% |                                                     |                                          |
|                   | <b>Đinh Thị Hồng Lan</b>                            | <b>Nguyễn Minh Triều</b>                 |

| S<br>TT | Họ và tên                    | Ngày | 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | TS buổi nghỉ |   |   |
|---------|------------------------------|------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--------------|---|---|
|         |                              | Thứ  | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | TS           | P | K |
| 1       | Nguyễn Tuấn Anh              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 2       | Phan Nguyễn Hoài Ân          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 3       | Nguyễn Nam Bình              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 2  | 2            | 0 |   |
| 4       | <del>Ngô Trần Minh Duy</del> |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 5       | Hồ Thanh Duy                 |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1  | 1            | 0 |   |
| 6       | Nguyễn Thị Ngân Giang        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 7       | Huỳnh Ngọc Hà                |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 8       | Nguyễn Ngọc Hân              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 9       | Phan Thị Mai Huyền           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 10      | Võ Đăng Khoa                 |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 11      | Thạch Khải Khoa              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1  | 1            | 0 |   |
| 12      | Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 13      | Nguyễn Thiện Nhân            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 14      | Trần Ngọc Nhi                |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 2  | 2            | 0 |   |
| 15      | Nguyễn Thị Tuyết Nhung       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 16      | Huỳnh Minh Phát              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 17      | Phạm Văn Phi                 |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 18      | Huỳnh Thanh Phong            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 3  | 3            | 0 |   |
| 19      | Chung Minh Tài               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 20      | Võ Hoàng Minh Tài            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1  | 1            | 0 |   |
| 21      | Huỳnh Tấn Tài                |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 22      | Nguyễn Thành Tài             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 23      | Cam Vĩnh Thiên               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 24      | Đào Phúc Thịnh               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 25      | Nguyễn Trúc Thanh Thuận      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 26      | Nguyễn Ngọc Minh Thư         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 26      | <del>Đặng Lê Thuỷ</del>      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 28      | Trương Nguyễn Bảo Trân       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 29      | Nguyễn Ngọc Trân             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 30      | Đỗ Minh Trí                  |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 31      | Lê Thị Ngọc Trinh            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 32      | Lê Văn Trọng                 |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0 |   |
| 33      | Nguyễn Thị Thanh Trúc        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |              |   |   |

Ti lệ:

có phép: 100.00%  
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

Hiệu trưởng  
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

| S<br>TT | Họ và tên                  | Ngày | 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | TS buổi nghỉ |   |   |
|---------|----------------------------|------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--------------|---|---|
|         |                            | Thứ  | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 |    |    |    | TS           | P | K |
| 1       | Nguyễn Tuấn Anh            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 2       | Phan Nguyễn Hoài Ân        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 3       | Nguyễn Nam Bình            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 4       | Ngô Trần Minh Duy          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 5       | Hồ Thanh Duy               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 6       | Nguyễn Thị Ngân Giang      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1 | 0 |
| 7       | Huỳnh Ngọc Hà              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 8       | Nguyễn Ngọc Hân            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1 | 0 |
| 9       | Phan Thị Mai Huyền         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 10      | Võ Đăng Khoa               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 11      | Thạch Khải Khoa            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1 | 0 |
| 12      | Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 13      | Nguyễn Thiện Nhân          |      |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1 | 0 |
| 14      | Trần Ngọc Nhi              |      |    | P  | P  |    | P  |    | P  |    |    |    | P  | P  | P  | P  | P  |    | P  | P  |    | P  | P  | P  |    | P  |    | P  |    | P  |    |    | 17 | 17           | 0 |   |
| 15      | Nguyễn Thị Tuyết Nhung     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 16      | Huỳnh Minh Phát            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 17      | Phạm Văn Phi               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 18      | Huỳnh Thanh Phong          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 19      | Chung Minh Tài             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 20      | Võ Hoàng Minh Tài          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 21      | Huỳnh Tấn Tài              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 22      | Nguyễn Thành Tài           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 23      | Cam Vĩnh Thiên             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 24      | Đào Phúc Thịnh             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1 | 0 |
| 25      | Nguyễn Trúc Thanh Thuận    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 26      | Nguyễn Ngọc Minh Thư       |      |    |    |    |    | P  | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 2            | 2 | 0 |
| 26      | Đặng Lê Thuỷ               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 28      | Trương Nguyễn Bảo Trân     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 29      | Nguyễn Ngọc Trân           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1 | 0 |
| 30      | Đỗ Minh Trí                |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 31      | Lê Thị Ngọc Trinh          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 32      | Lê Văn Trọng               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 33      | Nguyễn Thị Thanh Trúc      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 34      | Nguyễn Thanh Châu Tuấn     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 35      | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 36      | Nguyễn Thị Thanh Tuyền     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 37      | Nguyễn Lê Cát Tường        |      |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1 | 0 |
| 38      | Nguyễn Thị Cẩm Vân         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 39      | Nguyễn Hồ Quốc Việt        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1 | 0 |
| 40      | Nguyễn Ngọc Thảo Vy        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 41      | Nguyễn Lê Như Ý            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 42      | Đỗ Thị Kim Yến             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
|         | Tổng số                    |      | 0  | 0  | 1  | 1  | 1  | 3  | 1  | 1  | 0  | 0  | 3  | 1  | 1  | 2  | 3  | 0  | 1  | 1  | 0  | 1  | 2  | 1  | 0  | 1  | 0  | 1  | 0  | 1  |    |    | 27 | 27           | 0 |   |

[illegible]

Tỉ lệ:

|             |         |
|-------------|---------|
| có phép:    | 100.00% |
| không phép: | 0.00%   |

**Giáo viên chủ nhiệm**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Hiệu trưởng**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Đinh Thị Hồng Lan**

**Nguyễn Minh Triều**

| S<br>TT | Họ và tên                  | Ngày | 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | TS buổi nghỉ |    |   |
|---------|----------------------------|------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--------------|----|---|
|         |                            | Thứ  | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 |    | TS           | P  | K |
| 1       | Nguyễn Tuấn Anh            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 2       | Phan Nguyễn Hoài Ân        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 3       | Nguyễn Nam Bình            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 4       | Ngô Trần Minh Duy          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 5       | Hồ Thanh Duy               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 6       | Nguyễn Thị Ngân Giang      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 7       | Huỳnh Ngọc Hà              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 8       | Nguyễn Ngọc Hân            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 9       | Phan Thị Mai Huyền         |      |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 10      | Võ Đăng Khoa               |      |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 2            | 2  | 0 |
| 11      | Thạch Khải Khoa            |      |    | P  |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 3            | 3  | 0 |
| 12      | Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 13      | Nguyễn Thiện Nhân          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 14      | Trần Ngọc Nhi              |      |    | P  |    |    |    |    |    | P  |    |    | P  | P  |    |    | P  | P  |    |    | P  |    |    |    |    |    | P  | P  |    |    |    |    |    | 9            | 9  | 0 |
| 15      | Nguyễn Thị Tuyết Nhung     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 16      | Huỳnh Minh Phát            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 17      | Phạm Văn Phi               |      |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 2            | 2  | 0 |
| 18      | Huỳnh Thanh Phong          |      |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 19      | Chung Minh Tài             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 20      | Võ Hoàng Minh Tài          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 21      | Huỳnh Tấn Tài              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 22      | Nguyễn Thành Tài           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 23      | Cam Vĩnh Thiên             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 24      | Đào Phúc Thịnh             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 25      | Nguyễn Trúc Thanh Thuận    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 26      | Nguyễn Ngọc Minh Thư       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 26      | Đặng Lê Thuỷ               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 28      | Trương Nguyễn Bảo Trân     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 29      | Nguyễn Ngọc Trân           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 30      | Đỗ Minh Trí                |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 31      | Lê Thị Ngọc Trinh          |      |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 32      | Lê Văn Trọng               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 33      | Nguyễn Thị Thanh Trúc      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 34      | Nguyễn Thanh Châu Tuấn     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 35      | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 36      | Nguyễn Thị Thanh Tuyền     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 37      | Nguyễn Lê Cát Tường        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 38      | Nguyễn Thị Cẩm Vân         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 39      | Nguyễn Hồ Quốc Việt        |      |    |    |    |    |    |    |    | P  | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 2            | 2  | 0 |
| 40      | Nguyễn Ngọc Thảo Vy        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 41      | Nguyễn Lê Như Ý            |      |    |    | P  |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 2            | 2  | 0 |
| 42      | Đỗ Thị Kim Yến             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
|         | Tổng số                    |      | 0  | 2  | 3  | 0  | 2  | 0  | 0  | 3  | 2  | 2  | 1  | 2  | 0  | 1  | 4  | 0  | 1  | 0  | 3  | 0  | 0  | 1  | 0  | 0  | 1  | 1  | 0  | 0  | 0  | 0  |    | 29           | 29 | 0 |

Ti lệ:

có phép: 100.00%  
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

Hiệu trưởng  
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

| S<br>TT | Họ và tên                  | Ngày | 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | TS buổi nghỉ |   |   |
|---------|----------------------------|------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--------------|---|---|
|         |                            | Thứ  | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | TS           | P | K |
| 1       | Nguyễn Tuấn Anh            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 2       | Phan Nguyễn Hoài Ân        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 3       | Nguyễn Nam Bình            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 4       | Ngô Trần Minh Duy          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 5       | Hồ Thanh Duy               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 6       | Nguyễn Thị Ngân Giang      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 7       | Huỳnh Ngọc Hà              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 8       | Nguyễn Ngọc Hân            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 9       | Phan Thị Mai Huyền         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 10      | Võ Đăng Khoa               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 11      | Thạch Khải Khoa            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 12      | Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 13      | Nguyễn Thiện Nhân          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 14      | Trần Ngọc Nhi              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 15      | Nguyễn Thị Tuyết Nhung     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 16      | Huỳnh Minh Phát            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 17      | Phạm Văn Phi               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 18      | Huỳnh Thanh Phong          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 19      | Chung Minh Tài             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 20      | Võ Hoàng Minh Tài          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 21      | Huỳnh Tấn Tài              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 22      | Nguyễn Thành Tài           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 23      | Cam Vĩnh Thiên             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 24      | Đào Phúc Thịnh             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 25      | Nguyễn Trúc Thanh Thuận    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 26      | Nguyễn Ngọc Minh Thư       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 26      | Đặng Lê Thủy               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 28      | Trương Nguyễn Bảo Trân     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 29      | Nguyễn Ngọc Trân           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 30      | Đỗ Minh Trí                |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 31      | Lê Thị Ngọc Trinh          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 32      | Lê Văn Trọng               |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 33      | Nguyễn Thị Thanh Trúc      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 34      | Nguyễn Thanh Châu Tuấn     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 35      | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 36      | Nguyễn Thị Thanh Tuyền     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 37      | Nguyễn Lê Cát Tường        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 38      | Nguyễn Thị Cẩm Vân         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 39      | Nguyễn Hồ Quốc Việt        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 40      | Nguyễn Ngọc Thảo Vy        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 41      | Nguyễn Lê Như Ý            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 42      | Đỗ Thị Kim Yến             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
|         | Tổng số                    |      | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0            | 0 | 0 |

Ti lệ:

có phép: 0%  
không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

Hiệu trưởng  
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:

có phép: 0%

không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Đinh Thị Hồng Lan

Nguyễn Minh Triều



# PHẦN GHI ĐIỂM

## HỌC KỲ I

## HỌC KỲ I

### Vật lý

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

| STT | Họ và tên                    | ĐDGtx |     |      |  |  | ĐDGg<br>k | ĐDGc<br>k | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                             |
|-----|------------------------------|-------|-----|------|--|--|-----------|-----------|------------|-------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Tuấn Anh              | 8,0   | 4,0 | 5,0  |  |  | 6,3       | 5,5       | 5,8        | Học đạt, cần cố gắng hơn.           |
| 2   | Phan Nguyễn Hoài Ân          | 6,0   | 5,0 | 4,0  |  |  | 3,8       | 5,8       | 5,0        | Học đạt, cần cố gắng hơn.           |
| 3   | Nguyễn Nam Bình              | 6,0   | 6,0 | 5,0  |  |  | 8,8       | 4,0       | 5,8        | Học đạt, cần có ý thức học tập hơn. |
| 4   | <del>Ngô Trần Minh Duy</del> |       |     |      |  |  |           |           |            |                                     |
| 5   | Hồ Thanh Duy                 | 7,0   | 2,0 | 4,0  |  |  | 4,5       | 6,0       | 5,0        | Học đạt, cần cố gắng hơn ở HK2.     |
| 6   | Nguyễn Thị Ngân Giang        | 7,0   | 7,0 | 5,0  |  |  | 6,3       | 6,8       | 6,5        | Học khá, có cố gắng.                |
| 7   | Huỳnh Ngọc Hà                | 7,0   | 6,0 | 5,0  |  |  | 6,5       | 8,3       | 7,0        | Học khá, chăm ngoan.                |
| 8   | Nguyễn Ngọc Hân              | 7,0   | 4,0 | 5,0  |  |  | 6,8       | 8,0       | 6,7        | Học khá, chăm ngoan.                |
| 9   | Phan Thị Mai Huyền           | 8,0   | 5,0 | 5,0  |  |  | 6,8       | 5,8       | 6,1        | Học khá, có cố gắng.                |
| 10  | Võ Đăng Khoa                 | 7,0   | 6,0 | 6,0  |  |  | 5,0       | 6,5       | 6,1        | Học khá, có cố gắng.                |
| 11  | Thạch Khải Khoa              | 5,0   | 5,0 | 6,0  |  |  | 5,8       | 5,5       | 5,5        | Học đạt, có cố gắng.                |
| 12  | Nguyễn Ngọc Thuý Linh        | 8,0   | 2,0 | 4,0  |  |  | 6,0       | 5,0       | 5,1        | Học đạt, cần cố gắng hơn.           |
| 13  | Nguyễn Thiện Nhân            | 7,0   | 4,0 | 5,0  |  |  | 7,8       | 4,3       | 5,6        | Học đạt, cần có ý thức học tập hơn. |
| 14  | Trần Ngọc Nhi                | 10,0  | 9,0 | 10,0 |  |  | 8,3       | 9,8       | 9,4        | Xuất sắc, chăm ngoan, tích cực.     |
| 15  | Nguyễn Thị Tuyết Nhung       | 8,0   | 4,0 | 6,0  |  |  | 6,3       | 6,3       | 6,2        | Học khá, có cố gắng.                |
| 16  | Huỳnh Minh Phát              | 7,0   | 4,0 | 6,0  |  |  | 4,5       | 5,3       | 5,2        | Học đạt, cần cố gắng hơn.           |
| 17  | Phạm Văn Phi                 | 7,0   | 4,0 | 5,0  |  |  | 5,3       | 7,3       | 6,1        | Học khá, có cố gắng.                |
| 18  | Huỳnh Thanh Phong            | 8,0   | 2,0 | 7,0  |  |  | 5,3       | 8,0       | 6,5        | Học khá, chăm ngoan.                |
| 19  | Chung Minh Tài               | 8,0   | 7,0 | 6,0  |  |  | 6,3       | 7,5       | 7,0        | Học khá, chăm ngoan.                |
| 20  | Võ Hoàng Minh Tài            | 7,0   | 5,0 | 7,0  |  |  | 7,0       | 5,8       | 6,3        | Học khá, chăm ngoan.                |
| 21  | Huỳnh Tấn Tài                | 6,0   | 4,0 | 3,0  |  |  | 7,0       | 8,0       | 6,4        | Học khá, có cố gắng.                |
| 22  | Nguyễn Thành Tài             | 8,0   | 4,0 | 7,0  |  |  | 6,8       | 8,3       | 7,2        | Học khá, chăm ngoan.                |
| 23  | Cam Vĩnh Thiên               | 8,0   | 5,0 | 6,0  |  |  | 7,8       | 6,3       | 6,7        | Học khá, có cố gắng.                |
| 24  | Đào Phúc Thịnh               | 5,0   | 4,0 | 6,0  |  |  | 5,0       | 7,3       | 5,9        | Học đạt, cần cố gắng hơn.           |
| 25  | Nguyễn Trúc Thanh Thuận      | 7,0   | 4,0 | 6,0  |  |  | 4,0       | 3,8       | 4,6        | Chưa đạt, cần cố gắng hơn ở HK2.    |
| 26  | Nguyễn Ngọc Minh Thư         | 8,0   | 8,0 | 7,0  |  |  | 6,3       | 7,8       | 7,4        | Học khá, chăm ngoan.                |
| 26  | <del>Đặng Lê Thuỷ</del>      |       |     |      |  |  |           |           |            |                                     |
| 28  | Trương Nguyễn Bảo Trân       | 8,0   | 4,0 | 6,0  |  |  | 5,8       | 4,0       | 5,2        | Học đạt, cần cố gắng hơn.           |
| 29  | Nguyễn Ngọc Trân             | 7,0   | 6,0 | 5,0  |  |  | 7,5       | 6,5       | 6,6        | Học khá, có cố gắng.                |
| 30  | Đỗ Minh Trí                  | 7,0   | 5,0 | 8,0  |  |  | 7,5       | 6,3       | 6,7        | Học khá, chăm ngoan.                |
| 31  | Lê Thị Ngọc Trinh            | 8,0   | 5,0 | 5,0  |  |  | 6,5       | 6,0       | 6,1        | Học khá, có cố gắng.                |
| 32  | Lê Văn Trọng                 | 8,0   | 6,0 | 6,0  |  |  | 5,0       | 7,3       | 6,5        | Học khá, có cố gắng.                |
| 33  | Nguyễn Thị Thanh Trúc        | 7,0   | 7,0 | 5,0  |  |  | 6,8       | 7,5       | 6,9        | Học khá, chăm ngoan.                |
| 34  | Nguyễn Thanh Châu Tuấn       | 6,0   | 7,0 | 6,0  |  |  | 6,3       | 6,3       | 6,3        | Học khá, chăm ngoan.                |
| 35  | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền   | 9,0   | 7,0 | 8,0  |  |  | 7,5       | 8,5       | 8,1        | Học tốt, chăm, ngoan.               |
| 36  | Nguyễn Thị Thanh Tuyền       | 7,0   | 4,0 | 5,0  |  |  | 4,3       | 5,0       | 5,0        | Học đạt, cần cố gắng hơn.           |
| 37  | Nguyễn Lê Cát Tường          | 7,0   | 7,0 | 6,0  |  |  | 6,8       | 7,8       | 7,1        | Học khá, chăm ngoan.                |
| 38  | Nguyễn Thị Cẩm Vân           | 8,0   | 5,0 | 6,0  |  |  | 4,3       | 5,8       | 5,6        | Học khá, có cố gắng.                |
| 39  | Nguyễn Hồ Quốc Việt          | 6,0   | 6,0 | 5,0  |  |  | 4,8       | 7,5       | 6,1        | Học khá, có cố gắng.                |
| 40  | Nguyễn Ngọc Thảo Vy          | 8,0   | 5,0 | 7,0  |  |  | 6,3       | 7,8       | 7,0        | Học khá, chăm ngoan.                |
| 41  | Nguyễn Lê Như Ý              | 8,0   | 5,0 | 7,0  |  |  | 7,8       | 6,0       | 6,7        | Học khá, chăm ngoan.                |
| 42  | <del>Đỗ Thị Kim Yến</del>    | 7,0   |     |      |  |  | 6,8       |           | 6,9        |                                     |

**Giáo viên môn học**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Thị Bé Hà**

| HỌC KỲ I                                                                        |                              |       |     |     |  |  |  |           |           |            |                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------|-----|-----|--|--|--|-----------|-----------|------------|-------------------------------------|
| Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |                              |       |     |     |  |  |  |           |           |            |                                     |
| STT                                                                             | Họ và tên                    | ĐDGtx |     |     |  |  |  | ĐDGg<br>k | ĐDGc<br>k | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                             |
| 1                                                                               | Nguyễn Tuấn Anh              | 9,0   | 9,0 | 9,0 |  |  |  | 9,0       | 9,0       | 9,0        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |
| 2                                                                               | Phan Nguyễn Hoài Ân          | 8,0   | 8,0 | 9,0 |  |  |  | 8,0       | 5,5       | 7,2        | Học khá, có cố gắng.                |
| 3                                                                               | Nguyễn Nam Bình              | 9,0   | 5,0 | 6,0 |  |  |  | 6,5       | 7,0       | 6,8        | Học được, cần cố gắng hơn.          |
| 4                                                                               | <del>Ngô Trần Minh Duy</del> |       |     |     |  |  |  |           |           |            |                                     |
| 5                                                                               | Hồ Thanh Duy                 | 8,0   | 8,0 | 9,0 |  |  |  | 5,0       | 3,5       | 5,7        | Cần cố gắng hơn.                    |
| 6                                                                               | Nguyễn Thị Ngân Giang        | 8,0   | 6,0 | 7,0 |  |  |  | 6,5       | 5,5       | 6,3        | Cần cố gắng hơn.                    |
| 7                                                                               | Huỳnh Ngọc Hà                | 8,0   | 9,0 | 7,0 |  |  |  | 6,5       | 6,5       | 7,1        | Học khá, có cố gắng.                |
| 8                                                                               | Nguyễn Ngọc Hân              | 8,0   | 8,0 | 7,0 |  |  |  | 7,3       | 7,0       | 7,3        | Học khá, có cố gắng.                |
| 9                                                                               | Phan Thị Mai Huyền           | 9,0   | 8,0 | 7,0 |  |  |  | 7,5       | 6,3       | 7,2        | Học khá, có cố gắng.                |
| 10                                                                              | Võ Đăng Khoa                 | 7,0   | 8,0 | 8,0 |  |  |  | 4,0       | 5,8       | 6,1        | Học được, cần cố gắng hơn.          |
| 11                                                                              | Thạch Khải Khoa              | 8,0   | 7,0 | 5,0 |  |  |  | 7,5       | 6,0       | 6,6        | Học khá, có cố gắng.                |
| 12                                                                              | Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh        | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  |  | 7,0       | 5,8       | 6,9        | Học khá, có cố gắng.                |
| 13                                                                              | Nguyễn Thiện Nhân            | 8,0   | 8,0 | 9,0 |  |  |  | 6,0       | 1,0       | 5,0        | Cần cố gắng hơn.                    |
| 14                                                                              | Trần Ngọc Nhi                | 8,0   | 9,0 | 7,0 |  |  |  | 8,0       | 8,3       | 8,1        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |
| 15                                                                              | Nguyễn Thị Tuyết Nhung       | 9,0   | 9,0 | 8,0 |  |  |  | 8,0       | 6,8       | 7,8        | Học khá, có cố gắng.                |
| 16                                                                              | Huỳnh Minh Phát              | 9,0   | 9,0 | 9,0 |  |  |  | 7,0       | 3,5       | 6,4        | Học khá, có cố gắng.                |
| 17                                                                              | Phạm Văn Phi                 | 7,0   | 9,0 | 9,0 |  |  |  | 7,5       | 3,0       | 6,1        | Học được, cần cố gắng hơn.          |
| 18                                                                              | Huỳnh Thanh Phong            | 8,0   | 9,0 | 8,0 |  |  |  | 8,0       | 6,3       | 7,5        | Học được, cần cố gắng hơn.          |
| 19                                                                              | Chung Minh Tài               | 9,0   | 9,0 | 8,0 |  |  |  | 8,5       | 5,5       | 7,4        | Học khá, có cố gắng.                |
| 20                                                                              | Võ Hoàng Minh Tài            | 9,0   | 6,0 | 8,0 |  |  |  | 8,5       | 7,0       | 7,6        | Học khá, có cố gắng.                |
| 21                                                                              | Huỳnh Tấn Tài                | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  |  | 6,5       | 5,0       | 6,5        | Học khá, có cố gắng.                |
| 22                                                                              | Nguyễn Thành Tài             | 7,0   | 9,0 | 8,0 |  |  |  | 6,0       | 8,5       | 7,7        | Học khá, có cố gắng.                |
| 23                                                                              | Cam Vĩnh Thiên               | 9,0   | 8,0 | 9,0 |  |  |  | 8,0       | 6,5       | 7,7        | Học khá, có cố gắng.                |
| 24                                                                              | Đào Phúc Thịnh               | 8,0   | 8,0 | 9,0 |  |  |  | 8,0       | 4,8       | 6,9        | Học khá, có cố gắng.                |
| 25                                                                              | Nguyễn Trúc Thanh Thuận      | 9,0   | 6,0 | 8,0 |  |  |  | 7,0       | 5,8       | 6,8        | Học được, cần cố gắng hơn.          |
| 26                                                                              | Nguyễn Ngọc Minh Thư         | 9,0   | 9,0 | 8,0 |  |  |  | 8,0       | 7,0       | 7,9        | Học khá, có cố gắng.                |
| 26                                                                              | <del>Đặng Lê Thủy</del>      |       |     |     |  |  |  |           |           |            |                                     |
| 28                                                                              | Trương Nguyễn Bảo Trân       | 9,0   | 5,0 | 8,0 |  |  |  | 8,5       | 4,3       | 6,5        | Học được, cần cố gắng hơn.          |
| 29                                                                              | Nguyễn Ngọc Trân             | 8,0   | 6,0 | 7,0 |  |  |  | 8,5       | 4,3       | 6,4        | Học được, cần cố gắng hơn.          |
| 30                                                                              | Đỗ Minh Trí                  | 8,0   | 9,0 | 8,0 |  |  |  | 7,0       | 7,8       | 7,8        | Học khá, có cố gắng.                |
| 31                                                                              | Lê Thị Ngọc Trinh            | 7,0   | 9,0 | 8,0 |  |  |  | 7,0       | 7,0       | 7,4        | Học khá, có cố gắng.                |
| 32                                                                              | Lê Văn Trọng                 | 7,0   | 9,0 | 8,0 |  |  |  | 8,0       | 7,5       | 7,8        | Học khá, có cố gắng.                |
| 33                                                                              | Nguyễn Thị Thanh Trúc        | 8,0   | 8,0 | 7,0 |  |  |  | 7,0       | 7,0       | 7,3        | Học khá, có cố gắng.                |
| 34                                                                              | Nguyễn Thanh Châu Tuấn       | 8,0   | 9,0 | 8,0 |  |  |  | 8,0       | 8,8       | 8,4        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |
| 35                                                                              | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền   | 9,0   | 8,0 | 8,0 |  |  |  | 7,5       | 5,0       | 6,9        | Học khá, có cố gắng.                |
| 36                                                                              | Nguyễn Thị Thanh Tuyền       | 8,0   | 9,0 | 9,0 |  |  |  | 8,0       | 1,0       | 5,6        | Cần cố gắng hơn.                    |
| 37                                                                              | Nguyễn Lê Cát Tường          | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  |  | 8,0       | 6,3       | 7,1        | Học khá, có cố gắng.                |
| 38                                                                              | Nguyễn Thị Cẩm Vân           | 9,0   | 9,0 | 8,0 |  |  |  | 7,5       | 7,3       | 7,9        | Học khá, có cố gắng.                |
| 39                                                                              | Nguyễn Hồ Quốc Việt          | 9,0   | 9,0 | 9,0 |  |  |  | 8,0       | 2,3       | 6,2        | Cần cố gắng hơn.                    |
| 40                                                                              | Nguyễn Ngọc Thảo Vy          | 9,0   | 9,0 | 8,0 |  |  |  | 8,5       | 5,0       | 7,3        | Học khá, có cố gắng.                |
| 41                                                                              | Nguyễn Lê Như Ý              | 9,0   | 9,0 | 8,0 |  |  |  | 8,0       | 8,8       | 8,6        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |
| 42                                                                              | <del>Đỗ Thị Kim Yến</del>    |       |     |     |  |  |  |           |           |            |                                     |

Giáo viên môn học  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

**HỌC KỲ I**

**Ngữ văn**

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

| STT       | Họ và tên                           | ĐDGtx      |            |     |     |     | ĐDGg<br>k | ĐDGc<br>k | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                                                                 |
|-----------|-------------------------------------|------------|------------|-----|-----|-----|-----------|-----------|------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Nguyễn Tuấn Anh                     | 4,0        | 5,0        | 7,0 | 5,0 | 6,5 | 6,0       | 4,5       | 5,3        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 2         | Phan Nguyễn Hoài Ân                 | 4,0        | 5,0        | 7,0 | 5,0 | 5,0 | 6,0       | 4,0       | 5,0        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 3         | Nguyễn Nam Bình                     | 3,0        | 4,0        | 6,0 | 5,0 | 5,0 | 6,0       | 4,0       | 4,7        | Chưa đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng nhiều hơn                          |
| <b>4</b>  | <b><del>Ngô Trần Minh Duy</del></b> |            |            |     |     |     |           |           |            |                                                                         |
| 5         | Hồ Thanh Duy                        | 5,0        | 6,0        | 7,0 | 5,0 | 5,0 | 6,0       | 4,5       | 5,4        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 6         | Nguyễn Thị Ngân Giang               | 5,0        | 6,0        | 7,0 | 6,0 | 4,5 | 7,0       | 5,0       | 5,8        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 7         | Huỳnh Ngọc Hà                       | 5,0        | 6,0        | 7,0 | 6,0 | 9,0 | 6,0       | 5,0       | 6,0        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 8         | Nguyễn Ngọc Hân                     | 5,0        | 6,0        | 7,0 | 5,0 | 9,0 | 5,0       | 4,5       | 5,6        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 9         | Phan Thị Mai Huyền                  | 5,0        | 6,0        | 7,0 | 6,0 | 5,0 | 6,0       | 5,5       | 5,8        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 10        | Võ Đăng Khoa                        | 5,0        | 6,0        | 7,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0       | 4,0       | 5,0        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 11        | Thạch Khải Khoa                     | 4,0        | 5,0        | 7,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0       | 6,0       | 5,4        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 12        | Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh               | 4,0        | 5,0        | 7,0 | 5,0 | 4,0 | 5,0       | 5,0       | 5,0        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 13        | Nguyễn Thiện Nhân                   | 3,0        | 4,0        | 6,0 | 5,0 | 5,0 | 6,0       | 3,0       | 4,4        | Chưa đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng nhiều hơn                          |
| 14        | Trần Ngọc Nhi                       | 7,0        | 8,0        | 8,0 | 7,0 | 6,0 | 8,0       | 5,0       | 6,7        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 15        | Nguyễn Thị Tuyết Nhung              | 6,0        | 7,0        | 8,0 | 7,0 | 6,0 | 7,0       | 4,0       | 6,0        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 16        | Huỳnh Minh Phát                     | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 6,0 | 6,0       | 3,0       | 4,9        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 17        | Phạm Văn Phi                        | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 6,0       | 4,0       | 5,0        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 18        | Huỳnh Thanh Phong                   | 6,0        | 7,0        | 7,0 | 6,0 | 4,0 | 7,0       | 5,0       | 5,9        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 19        | Chung Minh Tài                      | 6,0        | 7,0        | 7,0 | 5,0 | 5,0 | 7,0       | 3,0       | 5,3        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 20        | Võ Hoàng Minh Tài                   | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 6,0 | 7,0       | 5,5       | 5,9        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 21        | Huỳnh Tấn Tài                       | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 7,0       | 4,0       | 5,2        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 22        | Nguyễn Thành Tài                    | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 6,0 | 7,0       | 4,5       | 5,6        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 23        | Cam Vĩnh Thiên                      | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 7,0       | 4,5       | 5,4        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 24        | Đào Phúc Thịnh                      | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 5,0 | 7,0       | 6,0       | 5,9        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 25        | Nguyễn Trúc Thanh Thuận             | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 6,0 | 6,0       | 4,0       | 5,2        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 26        | Nguyễn Ngọc Minh Thư                | 6,0        | 7,0        | 7,0 | 6,0 | 5,0 | 8,0       | 5,0       | 6,2        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| <b>26</b> | <b><del>Đặng Lê Thuỷ</del></b>      |            |            |     |     |     |           |           |            |                                                                         |
| 28        | Trương Nguyễn Bảo Trân              | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 6,0 | 6,0       | 4,0       | 5,2        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 29        | Nguyễn Ngọc Trân                    | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 9,0 | 7,0       | 5,5       | 6,2        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 30        | Đỗ Minh Trí                         | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 7,0       | 4,0       | 5,2        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 31        | Lê Thị Ngọc Trinh                   | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 5,5 | 6,0       | 4,5       | 5,3        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 32        | Lê Văn Trọng                        | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 6,0 | 6,0       | 4,0       | 5,2        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 33        | Nguyễn Thị Thanh Trúc               | 6,0        | 7,0        | 7,0 | 6,0 | 8,0 | 7,0       | 7,0       | 6,9        | Đạt yêu cầu cơ bản, có nhiều cố gắng trong học tập, học khá             |
| 34        | Nguyễn Thanh Châu Tuấn              | 6,0        | 7,0        | 7,0 | 6,0 | 5,0 | 7,0       | 4,0       | 5,7        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 35        | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền          | 7,0        | 8,0        | 8,0 | 7,0 | 7,0 | 8,0       | 5,5       | 7,0        | Đạt yêu cầu cơ bản, có nhiều cố gắng trong học tập, học khá, chăm ngoan |
| 36        | Nguyễn Thị Thanh Tuyền              | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 5,0 | 6,0       | 4,0       | 5,1        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 37        | Nguyễn Lê Cát Tường                 | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 8,5 | 6,0       | 4,5       | 5,6        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 38        | Nguyễn Thị Cẩm Vân                  | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 6,0       | 5,0       | 5,3        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 39        | Nguyễn Hồ Quốc Việt                 | 5,0        | 6,0        | 6,0 | 5,0 | 5,0 | 7,0       | 4,5       | 5,5        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 40        | Nguyễn Ngọc Thảo Vy                 | 6,0        | 7,0        | 7,0 | 6,0 | 6,0 | 8,0       | 5,0       | 6,3        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| 41        | Nguyễn Lê Như Ý                     | 5,0        | 6,0        | 7,0 | 6,0 | 6,0 | 7,0       | 5,5       | 6,1        | Đạt yêu cầu cơ bản                                                      |
| <b>42</b> | <b><del>Đỗ Thị Kim Yến</del></b>    | <b>5,0</b> | <b>6,0</b> |     |     |     |           |           | <b>5,5</b> |                                                                         |

**Giáo viên môn học**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Mã Thành Thái**

| HỌC KỲ I                                                                       |                              |       |     |     |      |  |           |           |            |                                      |  |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------|-----|-----|------|--|-----------|-----------|------------|--------------------------------------|--|
| Địa Lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |                              |       |     |     |      |  |           |           |            |                                      |  |
| STT                                                                            | Họ và tên                    | ĐDGtx |     |     |      |  | ĐDGg<br>k | ĐDGc<br>k | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                              |  |
| 1                                                                              | Nguyễn Tuấn Anh              | 9,0   | 7,0 | 8,0 | 5,0  |  | 7,0       | 7,5       | 7,3        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 2                                                                              | Phan Nguyễn Hoài Ân          | 8,0   | 8,0 | 8,0 | 6,0  |  | 4,5       | 4,5       | 5,8        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 3                                                                              | Nguyễn Nam Bình              | 3,0   | 5,0 | 5,0 | 7,0  |  | 7,0       | 3,5       | 4,9        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 4                                                                              | <del>Ngô Trần Minh Duy</del> |       |     |     |      |  |           |           |            |                                      |  |
| 5                                                                              | Hồ Thanh Duy                 | 10,0  | 5,0 | 7,0 | 6,0  |  | 6,0       | 6,5       | 6,6        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 6                                                                              | Nguyễn Thị Ngân Giang        | 2,0   | 6,0 | 5,0 | 9,0  |  | 5,0       | 6,0       | 5,6        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 7                                                                              | Huỳnh Ngọc Hà                | 6,0   | 5,0 | 5,0 | 10,0 |  | 7,5       | 6,0       | 6,6        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 8                                                                              | Nguyễn Ngọc Hân              | 8,0   | 5,0 | 6,0 | 8,0  |  | 8,0       | 9,0       | 7,8        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 9                                                                              | Phan Thị Mai Huyền           | 4,0   | 6,0 | 5,0 | 6,0  |  | 8,5       | 6,0       | 6,2        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 10                                                                             | Võ Đăng Khoa                 | 6,0   | 8,0 | 7,0 | 8,0  |  | 4,5       | 5,5       | 6,1        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 11                                                                             | Thạch Khải Khoa              | 5,0   | 5,0 | 5,0 | 8,0  |  | 5,0       | 6,0       | 5,7        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 12                                                                             | Nguyễn Ngọc Thuý Linh        | 8,0   | 6,0 | 7,0 | 6,0  |  | 6,5       | 7,0       | 6,8        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 13                                                                             | Nguyễn Thiện Nhân            | 5,0   | 5,0 | 5,0 | 6,0  |  | 6,5       | 4,0       | 5,1        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 14                                                                             | Trần Ngọc Nhi                | 8,0   | 9,0 | 8,0 | 8,0  |  | 8,5       | 8,0       | 8,2        | Chăm ngoan, học giỏi                 |  |
| 15                                                                             | Nguyễn Thị Tuyết Nhung       | 9,0   | 9,0 | 8,0 | 10,0 |  | 4,5       | 5,5       | 6,8        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 16                                                                             | Huỳnh Minh Phát              | 8,0   | 7,0 | 7,0 | 8,0  |  | 6,5       | 6,0       | 6,8        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 17                                                                             | Phạm Văn Phi                 | 6,0   | 5,0 | 6,0 | 7,0  |  | 4,5       | 5,0       | 5,3        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 18                                                                             | Huỳnh Thanh Phong            | 8,0   | 8,0 | 8,0 | 8,0  |  | 5,5       | 6,5       | 6,9        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 19                                                                             | Chung Minh Tài               | 9,0   | 8,0 | 8,0 | 9,0  |  | 4,5       | 6,0       | 6,8        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 20                                                                             | Võ Hoàng Minh Tài            | 2,0   | 8,0 | 5,0 | 9,0  |  | 7,5       | 3,5       | 5,5        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 21                                                                             | Huỳnh Tấn Tài                | 8,0   | 8,0 | 7,0 | 8,0  |  | 8,0       | 6,5       | 7,4        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 22                                                                             | Nguyễn Thành Tài             | 6,0   | 8,0 | 7,0 | 9,0  |  | 5,5       | 5,0       | 6,2        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 23                                                                             | Cam Vĩnh Thiên               | 10,0  | 8,0 | 9,0 | 9,0  |  | 8,5       | 7,0       | 8,2        | Chăm ngoan, học giỏi                 |  |
| 24                                                                             | Đào Phúc Thịnh               | 8,0   | 8,0 | 8,0 | 8,0  |  | 9,0       | 3,5       | 6,7        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 25                                                                             | Nguyễn Trúc Thanh Thuận      | 6,0   | 7,0 | 7,0 | 8,0  |  | 4,5       | 7,0       | 6,4        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 26                                                                             | Nguyễn Ngọc Minh Thư         | 10,0  | 9,0 | 8,0 | 9,0  |  | 8,5       | 4,5       | 7,4        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 26                                                                             | <del>Đặng Lê Thuý</del>      |       |     |     |      |  |           |           |            |                                      |  |
| 28                                                                             | Trương Nguyễn Bảo Trân       | 9,0   | 9,0 | 8,0 | 9,0  |  | 5,0       | 4,5       | 6,5        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 29                                                                             | Nguyễn Ngọc Trân             | 6,0   | 6,0 | 6,0 | 8,0  |  | 8,0       | 7,5       | 7,2        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 30                                                                             | Đỗ Minh Trí                  | 8,0   | 8,0 | 8,0 | 8,0  |  | 4,5       | 4,5       | 6,1        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 31                                                                             | Lê Thị Ngọc Trinh            | 7,0   | 7,0 | 7,0 | 10,0 |  | 6,5       | 5,5       | 6,7        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 32                                                                             | Lê Văn Trọng                 | 10,0  | 5,0 | 7,0 | 10,0 |  | 4,0       | 5,0       | 6,1        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 33                                                                             | Nguyễn Thị Thanh Trúc        | 10,0  | 5,0 | 7,0 | 9,0  |  | 7,5       | 9,5       | 8,3        | Chăm ngoan, học giỏi                 |  |
| 34                                                                             | Nguyễn Thanh Châu Tuấn       | 6,0   | 8,0 | 7,0 | 9,0  |  | 6,0       | 5,5       | 6,5        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 35                                                                             | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền   | 9,0   | 9,0 | 8,0 | 10,0 |  | 6,0       | 5,5       | 7,2        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 36                                                                             | Nguyễn Thị Thanh Tuyền       | 8,0   | 9,0 | 8,0 | 9,0  |  | 8,0       | 4,5       | 7,1        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 37                                                                             | Nguyễn Lê Cát Tường          | 10,0  | 5,0 | 7,0 | 9,0  |  | 7,0       | 5,5       | 6,8        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 38                                                                             | Nguyễn Thị Cẩm Vân           | 8,0   | 7,0 | 8,0 | 10,0 |  | 5,0       | 6,0       | 6,8        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 39                                                                             | Nguyễn Hồ Quốc Việt          | 10,0  | 8,0 | 9,0 | 7,0  |  | 6,5       | 7,0       | 7,6        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 40                                                                             | Nguyễn Ngọc Thảo Vy          | 8,0   | 9,0 | 8,0 | 10,0 |  | 8,0       | 4,5       | 7,2        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 41                                                                             | Nguyễn Lê Như Ý              | 9,0   | 6,0 | 8,0 | 9,0  |  | 9,0       | 9,5       | 8,7        | Chăm ngoan, học giỏi                 |  |
| 42                                                                             | <del>Đỗ Thị Kim Yến</del>    |       |     |     |      |  |           |           |            |                                      |  |

Giáo viên môn học  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Hiện

**HỌC KỲ I**

**Tin học**

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

| STT | Họ và tên                    | ĐDGtx |      |      |  |  | ĐDGg<br>k | ĐDGc<br>k | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú    |
|-----|------------------------------|-------|------|------|--|--|-----------|-----------|------------|------------|
| 1   | Nguyễn Tuấn Anh              | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5       | 6,5       | 8,4        | Học tốt    |
| 2   | Phan Nguyễn Hoài Ân          | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,0       | 8,5       | 8,6        | Học tốt    |
| 3   | Nguyễn Nam Bình              | 9,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 8,0       | 6,5       | 7,6        | Học khá    |
| 4   | <del>Ngô Trần Minh Duy</del> |       |      |      |  |  |           |           |            |            |
| 5   | Hồ Thanh Duy                 | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 6,5       | 7,5       | 7,9        | Học khá    |
| 6   | Nguyễn Thị Ngân Giang        | 9,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 8,5       | 6,0       | 7,6        | Học khá    |
| 7   | Huỳnh Ngọc Hà                | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 8,5       | 6,5       | 8,1        | Học tốt    |
| 8   | Nguyễn Ngọc Hân              | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,5       | 7,5       | 8,3        | Học tốt    |
| 9   | Phan Thị Mai Huyền           | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 6,5       | 7,0       | 7,8        | Học khá    |
| 10  | Võ Đăng Khoa                 | 9,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 9,5       | 6,5       | 8,2        | Học tốt    |
| 11  | Thạch Khải Khoa              | 9,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 6,0       | 5,0       | 6,5        | Có cố gắng |
| 12  | Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh        | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 8,0       | 6,5       | 7,9        | Học khá    |
| 13  | Nguyễn Thiện Nhân            | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,0       | 7,5       | 7,9        | Học khá    |
| 14  | Trần Ngọc Nhi                | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5       | 7,5       | 8,8        | Học tốt    |
| 15  | Nguyễn Thị Tuyết Nhung       | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 8,0       | 5,5       | 7,8        | Học khá    |
| 16  | Huỳnh Minh Phát              | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 6,5       | 8,5       | 8,6        | Học tốt    |
| 17  | Phạm Văn Phi                 | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 7,0       | 7,0       | 7,9        | Học khá    |
| 18  | Huỳnh Thanh Phong            | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,0       | 7,0       | 8,0        | Học tốt    |
| 19  | Chung Minh Tài               | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 8,5       | 6,0       | 8,0        | Học tốt    |
| 20  | Võ Hoàng Minh Tài            | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 8,5       | 8,5       | 8,9        | Học tốt    |
| 21  | Huỳnh Tấn Tài                | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 6,5       | 7,0       | 7,9        | Học khá    |
| 22  | Nguyễn Thành Tài             | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5       | 7,0       | 8,6        | Học tốt    |
| 23  | Cam Vĩnh Thiên               | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 6,5       | 7,0       | 7,9        | Học khá    |
| 24  | Đào Phúc Thịnh               | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,5       | 8,5       | 8,7        | Học tốt    |
| 25  | Nguyễn Trúc Thanh Thuận      | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,0       | 7,0       | 8,1        | Học tốt    |
| 26  | Nguyễn Ngọc Minh Thư         | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5       | 8,0       | 9,1        | Học tốt    |
| 26  | <del>Đặng Lê Thuỷ</del>      |       |      |      |  |  |           |           |            |            |
| 28  | Trương Nguyễn Bảo Trân       | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5       | 7,0       | 8,8        | Học tốt    |
| 29  | Nguyễn Ngọc Trân             | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 8,5       | 7,0       | 8,3        | Học tốt    |
| 30  | Đỗ Minh Trí                  | 8,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 8,5       | 7,0       | 8,0        | Học tốt    |
| 31  | Lê Thị Ngọc Trinh            | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,0       | 6,5       | 8,1        | Học tốt    |
| 32  | Lê Văn Trọng                 | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,0       | 5,5       | 7,9        | Học khá    |
| 33  | Nguyễn Thị Thanh Trúc        | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 8,5       | 7,5       | 8,6        | Học tốt    |
| 34  | Nguyễn Thanh Châu Tuấn       | 8,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 8,5       | 6,5       | 8,1        | Học tốt    |
| 35  | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền   | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5       | 5,5       | 8,1        | Học tốt    |
| 36  | Nguyễn Thị Thanh Tuyền       | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 5,5       | 6,5       | 7,2        | Học khá    |
| 37  | Nguyễn Lê Cát Tường          | 9,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 8,5       | 7,5       | 8,2        | Học tốt    |
| 38  | Nguyễn Thị Cẩm Vân           | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,0       | 7,0       | 8,4        | Học tốt    |
| 39  | Nguyễn Hồ Quốc Việt          | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,5       | 7,0       | 8,1        | Học tốt    |
| 40  | Nguyễn Ngọc Thảo Vy          | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5       | 7,0       | 8,8        | Học tốt    |
| 41  | Nguyễn Lê Như Ý              | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,0       | 7,0       | 8,0        | Học tốt    |
| 42  | <del>Đỗ Thị Kim Yến</del>    |       |      |      |  |  |           |           |            |            |

**Giáo viên môn học**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Trương Phụng Thọ**

| <div> <div>HỌC KỲ I</div> <div>Toán</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> </div> |                            |       |      |     |      |  |       |       |         |                                                            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------|------|-----|------|--|-------|-------|---------|------------------------------------------------------------|
| STT                                                                                                                                 | Họ và tên                  | ĐDGTx |      |     |      |  | ĐDGGk | ĐDGGc | ĐTBmhhk | Ghi Chú                                                    |
| 1                                                                                                                                   | Nguyễn Tuấn Anh            | 7,0   | 6,0  | 7,0 | 7,0  |  | 4,0   | 5,8   | 5,8     | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 2                                                                                                                                   | Phan Nguyễn Hoài Ân        | 7,0   | 7,0  | 7,0 | 8,0  |  | 6,8   | 5,0   | 6,4     | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 3                                                                                                                                   | Nguyễn Nam Bình            | 8,0   | 7,0  | 6,0 | 6,0  |  | 7,0   | 5,5   | 6,4     | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 4                                                                                                                                   | Ngô Trần Minh Duy          |       |      |     |      |  |       |       |         |                                                            |
| 5                                                                                                                                   | Hồ Thanh Duy               | 6,0   | 7,0  | 8,0 | 7,0  |  | 5,0   | 2,8   | 5,2     | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 6                                                                                                                                   | Nguyễn Thị Ngân Giang      | 7,0   | 6,0  | 8,0 | 8,0  |  | 5,8   | 5,0   | 6,2     | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 7                                                                                                                                   | Huỳnh Ngọc Hà              | 7,0   | 8,0  | 9,0 | 7,0  |  | 9,0   | 7,0   | 7,8     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 8                                                                                                                                   | Nguyễn Ngọc Hân            | 7,0   | 8,0  | 8,0 | 9,0  |  | 4,5   | 7,5   | 7,1     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 9                                                                                                                                   | Phan Thị Mai Huyền         | 9,0   | 7,0  | 8,0 | 7,0  |  | 6,3   | 6,0   | 6,8     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 10                                                                                                                                  | Võ Đăng Khoa               | 7,0   | 8,0  | 6,0 | 8,0  |  | 4,0   | 3,8   | 5,4     | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 11                                                                                                                                  | Thạch Khải Khoa            | 9,0   | 8,0  | 8,0 | 7,0  |  | 8,8   | 6,0   | 7,5     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 12                                                                                                                                  | Nguyễn Ngọc Thuý Linh      | 7,0   | 8,0  | 8,0 | 9,0  |  | 7,3   | 5,3   | 6,9     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 13                                                                                                                                  | Nguyễn Thiện Nhân          | 7,0   | 8,0  | 8,0 | 7,0  |  | 7,5   | 5,3   | 6,8     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 14                                                                                                                                  | Trần Ngọc Nhi              | 10,0  | 10,0 | 9,0 | 10,0 |  | 9,8   | 9,3   | 9,6     | Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống. |
| 15                                                                                                                                  | Nguyễn Thị Tuyết Nhung     | 8,0   | 8,0  | 9,0 | 7,0  |  | 8,3   | 6,8   | 7,7     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 16                                                                                                                                  | Huỳnh Minh Phát            | 7,0   | 10,0 | 9,0 | 8,0  |  | 5,5   | 7,0   | 7,3     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 17                                                                                                                                  | Phạm Văn Phi               | 7,0   | 7,0  | 6,0 | 8,0  |  | 7,3   | 5,3   | 6,5     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 18                                                                                                                                  | Huỳnh Thanh Phong          | 7,0   | 8,0  | 9,0 | 7,0  |  | 6,8   | 8,5   | 7,8     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 19                                                                                                                                  | Chung Minh Tài             | 7,0   | 8,0  | 9,0 | 7,0  |  | 7,0   | 4,8   | 6,6     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 20                                                                                                                                  | Võ Hoàng Minh Tài          | 10,0  | 9,0  | 9,0 | 8,0  |  | 8,0   | 7,8   | 8,4     | Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học           |
| 21                                                                                                                                  | Huỳnh Tấn Tài              | 8,0   | 6,0  | 9,0 | 7,0  |  | 6,5   | 4,0   | 6,1     | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 22                                                                                                                                  | Nguyễn Thành Tài           | 8,0   | 8,0  | 9,0 | 7,0  |  | 7,3   | 7,0   | 7,5     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 23                                                                                                                                  | Cam Vĩnh Thiên             | 5,0   | 7,0  | 8,0 | 8,0  |  | 7,8   | 5,0   | 6,5     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 24                                                                                                                                  | Đào Phúc Thịnh             | 7,0   | 8,0  | 9,0 | 8,0  |  | 6,8   | 6,3   | 7,2     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 25                                                                                                                                  | Nguyễn Trúc Thanh Thuận    | 7,0   | 8,0  | 8,0 | 6,0  |  | 7,0   | 3,5   | 5,9     | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 26                                                                                                                                  | Nguyễn Ngọc Minh Thư       | 10,0  | 10,0 | 8,0 | 9,0  |  | 9,8   | 9,0   | 9,3     | Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống. |
| 26                                                                                                                                  | Đặng Lê Thuý               |       |      |     |      |  |       |       |         |                                                            |
| 28                                                                                                                                  | Trương Nguyễn Bảo Trân     | 9,0   | 9,0  | 8,0 | 9,0  |  | 7,8   | 6,0   | 7,6     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 29                                                                                                                                  | Nguyễn Ngọc Trân           | 6,0   | 8,0  | 9,0 | 8,0  |  | 7,5   | 6,0   | 7,1     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 30                                                                                                                                  | Đỗ Minh Trí                | 8,0   | 7,0  | 8,0 | 7,0  |  | 6,0   | 6,3   | 6,8     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 31                                                                                                                                  | Lê Thị Ngọc Trinh          | 8,0   | 9,0  | 7,0 | 8,0  |  | 4,5   | 6,8   | 6,8     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 32                                                                                                                                  | Lê Văn Trọng               | 7,0   | 9,0  | 9,0 | 10,0 |  | 4,5   | 7,0   | 7,2     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 33                                                                                                                                  | Nguyễn Thị Thanh Trúc      | 6,0   | 8,0  | 9,0 | 8,0  |  | 5,8   | 6,8   | 7,0     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 34                                                                                                                                  | Nguyễn Thanh Châu Tuấn     | 6,0   | 8,0  | 7,0 | 9,0  |  | 6,3   | 5,8   | 6,7     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 35                                                                                                                                  | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền | 7,0   | 8,0  | 8,0 | 9,0  |  | 8,3   | 4,5   | 6,9     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 36                                                                                                                                  | Nguyễn Thị Thanh Tuyền     | 5,0   | 7,0  | 8,0 | 9,0  |  | 6,5   | 4,0   | 6,0     | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 37                                                                                                                                  | Nguyễn Lê Cát Tường        | 7,0   | 8,0  | 9,0 | 6,0  |  | 6,8   | 7,0   | 7,2     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 38                                                                                                                                  | Nguyễn Thị Cẩm Vân         | 5,0   | 8,0  | 9,0 | 7,0  |  | 5,3   | 6,8   | 6,7     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 39                                                                                                                                  | Nguyễn Hồ Quốc Việt        | 5,0   | 8,0  | 8,0 | 9,0  |  | 6,3   | 4,8   | 6,3     | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 40                                                                                                                                  | Nguyễn Ngọc Thảo Vy        | 7,0   | 8,0  | 9,0 | 9,0  |  | 7,3   | 7,0   | 7,6     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 41                                                                                                                                  | Nguyễn Lê Như Ý            | 8,0   | 8,0  | 9,0 | 8,0  |  | 8,8   | 5,8   | 7,6     | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 42                                                                                                                                  | Đỗ Thị Kim Yến             |       |      |     |      |  |       |       |         |                                                            |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thảo

**HỌC KỲ I**

**Giáo dục kinh tế và pháp luật** (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

| STT | Họ và tên                    | ĐDGtx |      |      |  |  | ĐDGg<br>k | ĐDGc<br>k | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                        |
|-----|------------------------------|-------|------|------|--|--|-----------|-----------|------------|--------------------------------|
| 1   | Nguyễn Tuấn Anh              | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,3       | 8,0       | 9,0        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 2   | Phan Nguyễn Hoài Ân          | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,8       | 8,8       | 9,4        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 3   | Nguyễn Nam Bình              | 8,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 9,0       | 9,8       | 8,9        | Hiền, lễ phép. Học tốt.        |
| 4   | <del>Ngô Trần Minh Duy</del> |       |      |      |  |  |           |           |            |                                |
| 5   | Hồ Thanh Duy                 | 8,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 9,3       | 9,8       | 9,0        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 6   | Nguyễn Thị Ngân Giang        | 9,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 9,8       | 8,8       | 9,0        | Hiền, lễ phép. Học tốt.        |
| 7   | Huỳnh Ngọc Hà                | 10,0  | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,8       | 9,0       | 9,3        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 8   | Nguyễn Ngọc Hân              | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,8       | 8,8       | 9,4        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 9   | Phan Thị Mai Huyền           | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,0       | 9,8       | 9,6        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 10  | Võ Đăng Khoa                 | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,5       | 8,0       | 9,0        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 11  | Thạch Khải Khoa              | 9,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 9,0       | 8,0       | 8,6        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 12  | Nguyễn Ngọc Thuý Linh        | 9,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 9,8       | 9,0       | 9,1        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 13  | Nguyễn Thiện Nhân            | 8,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 9,0       | 9,8       | 8,9        | Hiền, lễ phép. Học tốt.        |
| 14  | Trần Ngọc Nhi                | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,3       | 8,0       | 9,0        | Hiền, lễ phép. Học tốt.        |
| 15  | Nguyễn Thị Tuyết Nhung       | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,8       | 9,3       | 9,7        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 16  | Huỳnh Minh Phát              | 10,0  | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,8       | 8,8       | 9,3        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 17  | Phạm Văn Phi                 | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,8       | 8,3       | 8,9        | Hiền, lễ phép. Học tốt.        |
| 18  | Huỳnh Thanh Phong            | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,8       | 8,3       | 9,3        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 19  | Chung Minh Tài               | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,8       | 9,3       | 9,6        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 20  | Võ Hoàng Minh Tài            | 10,0  | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,8       | 9,8       | 9,6        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 21  | Huỳnh Tấn Tài                | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,8       | 9,3       | 9,6        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 22  | Nguyễn Thành Tài             | 10,0  | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,8       | 8,0       | 9,0        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 23  | Cam Vĩnh Thiên               | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,8       | 9,5       | 9,6        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 24  | Đào Phúc Thịnh               | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,8       | 8,8       | 9,5        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 25  | Nguyễn Trúc Thanh Thuận      | 10,0  | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,3       | 9,3       | 9,3        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 26  | Nguyễn Ngọc Minh Thư         | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,5       | 9,8       | 9,7        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 26  | <del>Đặng Lê Thủy</del>      |       |      |      |  |  |           |           |            |                                |
| 28  | Trương Nguyễn Bảo Trân       | 10,0  | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,8       | 9,8       | 9,6        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 29  | Nguyễn Ngọc Trân             | 9,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 9,8       | 8,8       | 9,0        | Hiền, lễ phép. Học tốt.        |
| 30  | Đỗ Minh Trí                  | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,0       | 8,3       | 9,0        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 31  | Lê Thị Ngọc Trinh            | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,8       | 9,5       | 9,6        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 32  | Lê Văn Trọng                 | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,8       | 8,0       | 9,1        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 33  | Nguyễn Thị Thanh Trúc        | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,8       | 9,0       | 9,5        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 34  | Nguyễn Thanh Châu Tuấn       | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,0       | 8,0       | 8,9        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 35  | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền   | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,3       | 8,0       | 9,1        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 36  | Nguyễn Thị Thanh Tuyền       | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,8       | 8,5       | 9,4        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 37  | Nguyễn Lê Cát Tường          | 10,0  | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,8       | 9,3       | 9,4        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 38  | Nguyễn Thị Cẩm Vân           | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,8       | 9,5       | 9,6        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 39  | Nguyễn Hồ Quốc Việt          | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,8       | 9,5       | 9,6        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 40  | Nguyễn Ngọc Thảo Vy          | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,5       | 9,8       | 9,7        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 41  | Nguyễn Lê Như Ý              | 10,0  | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,8       | 9,8       | 9,6        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 42  | <del>Đỗ Thị Kim Yến</del>    |       |      |      |  |  |           |           |            |                                |

**Giáo viên môn học**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Đinh Thị Hồng Lan**

| <div> <div> HĐTrN-HN HỌC KỲ I </div> <div> (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét) </div> </div> |                              |                                                                      |   |  |  |  |         |         |        |                                                           |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---|--|--|--|---------|---------|--------|-----------------------------------------------------------|--|
| STT                                                                                                | Họ và tên                    | <div> <div>Mức đánh giá</div> <div>Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)</div> </div> |   |  |  |  |         |         |        | Ghi Chú                                                   |  |
|                                                                                                    |                              | Thường Xuyên                                                         |   |  |  |  | Giữa kỳ | Cuối kỳ | Học kỳ |                                                           |  |
| 1                                                                                                  | Nguyễn Tuấn Anh              | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 2                                                                                                  | Phan Nguyễn Hoài Ân          | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 3                                                                                                  | Nguyễn Nam Bình              | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 4                                                                                                  | <del>Ngô Trần Minh Duy</del> |                                                                      |   |  |  |  |         |         |        |                                                           |  |
| 5                                                                                                  | Hồ Thanh Duy                 | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 6                                                                                                  | Nguyễn Thị Ngân Giang        | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 7                                                                                                  | Huỳnh Ngọc Hà                | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 8                                                                                                  | Nguyễn Ngọc Hân              | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 9                                                                                                  | Phan Thị Mai Huyền           | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 10                                                                                                 | Võ Đăng Khoa                 | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 11                                                                                                 | Thạch Khải Khoa              | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 12                                                                                                 | Nguyễn Ngọc Thuý Linh        | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 13                                                                                                 | Nguyễn Thiện Nhân            | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 14                                                                                                 | Trần Ngọc Nhi                | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 15                                                                                                 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung       | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 16                                                                                                 | Huỳnh Minh Phát              | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 17                                                                                                 | Phạm Văn Phi                 | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 18                                                                                                 | Huỳnh Thanh Phong            | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 19                                                                                                 | Chung Minh Tài               | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 20                                                                                                 | Võ Hoàng Minh Tài            | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 21                                                                                                 | Huỳnh Tấn Tài                | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 22                                                                                                 | Nguyễn Thành Tài             | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 23                                                                                                 | Cam Vĩnh Thiên               | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 24                                                                                                 | Đào Phúc Thịnh               | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 25                                                                                                 | Nguyễn Trúc Thanh Thuận      | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 26                                                                                                 | Nguyễn Ngọc Minh Thư         | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 26                                                                                                 | <del>Đặng Lê Thủy</del>      |                                                                      |   |  |  |  |         |         |        |                                                           |  |
| 28                                                                                                 | Trương Nguyễn Bảo Trân       | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 29                                                                                                 | Nguyễn Ngọc Trân             | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 30                                                                                                 | Đỗ Minh Trí                  | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 31                                                                                                 | Lê Thị Ngọc Trinh            | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 32                                                                                                 | Lê Văn Trọng                 | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 33                                                                                                 | Nguyễn Thị Thanh Trúc        | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 34                                                                                                 | Nguyễn Thanh Châu Tuấn       | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 35                                                                                                 | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền   | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 36                                                                                                 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền       | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 37                                                                                                 | Nguyễn Lê Cát Tường          | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 38                                                                                                 | Nguyễn Thị Cẩm Vân           | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 39                                                                                                 | Nguyễn Hồ Quốc Việt          | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 40                                                                                                 | Nguyễn Ngọc Thảo Vy          | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 41                                                                                                 | Nguyễn Lê Như Ý              | Đ                                                                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |
| 42                                                                                                 | <del>Đỗ Thị Kim Yến</del>    |                                                                      |   |  |  |  |         |         |        |                                                           |  |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

| <div> <div>HỌC KỲ I</div> <div> <div>Giáo dục địa phương</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)</div> </div> </div> |                              |                                                         |   |  |  |  |         |         |        |                                                                 |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------|---|--|--|--|---------|---------|--------|-----------------------------------------------------------------|--|
| STT                                                                                                                               | Họ và tên                    | <div>Mức đánh giá</div> <div>Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)</div> |   |  |  |  |         |         |        | Ghi Chú                                                         |  |
|                                                                                                                                   |                              | Thường Xuyên                                            |   |  |  |  | Giữa kỳ | Cuối kỳ | Học kỳ |                                                                 |  |
| 1                                                                                                                                 | Nguyễn Tuấn Anh              | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 2                                                                                                                                 | Phan Nguyễn Hoài Ân          | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 3                                                                                                                                 | Nguyễn Nam Bình              | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 4                                                                                                                                 | <del>Ngô Trần Minh Duy</del> |                                                         |   |  |  |  |         |         |        |                                                                 |  |
| 5                                                                                                                                 | Hồ Thanh Duy                 | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 6                                                                                                                                 | Nguyễn Thị Ngân Giang        | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 7                                                                                                                                 | Huỳnh Ngọc Hà                | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 8                                                                                                                                 | Nguyễn Ngọc Hân              | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 9                                                                                                                                 | Phan Thị Mai Huyền           | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 10                                                                                                                                | Võ Đăng Khoa                 | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 11                                                                                                                                | Thạch Khải Khoa              | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 12                                                                                                                                | Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh        | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 13                                                                                                                                | Nguyễn Thiện Nhân            | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 14                                                                                                                                | Trần Ngọc Nhi                | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 15                                                                                                                                | Nguyễn Thị Tuyết Nhung       | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 16                                                                                                                                | Huỳnh Minh Phát              | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 17                                                                                                                                | Phạm Văn Phi                 | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 18                                                                                                                                | Huỳnh Thanh Phong            | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 19                                                                                                                                | Chung Minh Tài               | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 20                                                                                                                                | Võ Hoàng Minh Tài            | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 21                                                                                                                                | Huỳnh Tấn Tài                | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 22                                                                                                                                | Nguyễn Thành Tài             | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 23                                                                                                                                | Cam Vĩnh Thiên               | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 24                                                                                                                                | Đào Phúc Thịnh               | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 25                                                                                                                                | Nguyễn Trúc Thanh Thuận      | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 26                                                                                                                                | Nguyễn Ngọc Minh Thư         | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 26                                                                                                                                | <del>Đặng Lê Thủy</del>      |                                                         |   |  |  |  |         |         |        |                                                                 |  |
| 28                                                                                                                                | Trương Nguyễn Bảo Trân       | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 29                                                                                                                                | Nguyễn Ngọc Trân             | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 30                                                                                                                                | Đỗ Minh Trí                  | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 31                                                                                                                                | Lê Thị Ngọc Trinh            | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 32                                                                                                                                | Lê Văn Trọng                 | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 33                                                                                                                                | Nguyễn Thị Thanh Trúc        | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 34                                                                                                                                | Nguyễn Thanh Châu Tuấn       | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 35                                                                                                                                | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền   | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 36                                                                                                                                | Nguyễn Thị Thanh Tuyền       | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 37                                                                                                                                | Nguyễn Lê Cát Tường          | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 38                                                                                                                                | Nguyễn Thị Cẩm Vân           | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 39                                                                                                                                | Nguyễn Hồ Quốc Việt          | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 40                                                                                                                                | Nguyễn Ngọc Thảo Vy          | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 41                                                                                                                                | Nguyễn Lê Như Ý              | Đ                                                       | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao. |  |
| 42                                                                                                                                | <del>Đỗ Thị Kim Yến</del>    |                                                         |   |  |  |  |         |         |        |                                                                 |  |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Hiện, Đinh Thị Hồng Lan

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

| Số<br>T<br>T | Họ và tên                  | Môn học đánh<br>giá bằng nhận<br>xét |                        | Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm<br>số |         |         |        |         |      |                                     | Kết<br>quả<br>học<br>tập | Kết<br>quả<br>rèn<br>luyện |
|--------------|----------------------------|--------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------|---------|--------|---------|------|-------------------------------------|--------------------------|----------------------------|
|              |                            | HĐTrN-<br>HN                         | Giáo dục<br>địa phương | Vật lý                                                          | Lịch sử | Ngữ văn | Địa Lý | Tin học | Toán | Giáo dục<br>kinh tế và<br>pháp luật |                          |                            |
| 1            | Nguyễn Tuấn Anh            | Đ                                    | Đ                      | 5,8                                                             | 9,0     | 5,3     | 7,3    | 8,4     | 5,8  | 9,0                                 | Đ                        | T                          |
| 2            | Phan Nguyễn Hoài Ân        | Đ                                    | Đ                      | 5,0                                                             | 7,2     | 5,0     | 5,8    | 8,6     | 6,4  | 9,4                                 | Đ                        | T                          |
| 3            | Nguyễn Nam Bình            | Đ                                    | Đ                      | 5,8                                                             | 6,8     | 4,7     | 4,9    | 7,6     | 6,4  | 8,9                                 | Đ                        | K                          |
| 4            | Ngô Trần Minh Duy          |                                      |                        |                                                                 |         |         |        |         |      |                                     |                          |                            |
| 5            | Hồ Thanh Duy               | Đ                                    | Đ                      | 5,0                                                             | 5,7     | 5,4     | 6,6    | 7,9     | 5,2  | 9,0                                 | Đ                        | T                          |
| 6            | Nguyễn Thị Ngân Giang      | Đ                                    | Đ                      | 6,5                                                             | 6,3     | 5,8     | 5,6    | 7,6     | 6,2  | 9,0                                 | Đ                        | K                          |
| 7            | Huỳnh Ngọc Hà              | Đ                                    | Đ                      | 7,0                                                             | 7,1     | 6,0     | 6,6    | 8,1     | 7,8  | 9,3                                 | K                        | T                          |
| 8            | Nguyễn Ngọc Hân            | Đ                                    | Đ                      | 6,7                                                             | 7,3     | 5,6     | 7,8    | 8,3     | 7,1  | 9,4                                 | K                        | T                          |
| 9            | Phan Thị Mai Huyền         | Đ                                    | Đ                      | 6,1                                                             | 7,2     | 5,8     | 6,2    | 7,8     | 6,8  | 9,6                                 | Đ                        | T                          |
| 10           | Võ Đăng Khoa               | Đ                                    | Đ                      | 6,1                                                             | 6,1     | 5,0     | 6,1    | 8,2     | 5,4  | 9,0                                 | Đ                        | T                          |
| 11           | Thạch Khải Khoa            | Đ                                    | Đ                      | 5,5                                                             | 6,6     | 5,4     | 5,7    | 6,5     | 7,5  | 8,6                                 | Đ                        | T                          |
| 12           | Nguyễn Ngọc Thuý Linh      | Đ                                    | Đ                      | 5,1                                                             | 6,9     | 5,0     | 6,8    | 7,9     | 6,9  | 9,1                                 | K                        | T                          |
| 13           | Nguyễn Thiện Nhân          | Đ                                    | Đ                      | 5,6                                                             | 5,0     | 4,4     | 5,1    | 7,9     | 6,8  | 8,9                                 | Đ                        | K                          |
| 14           | Trần Ngọc Nhi              | Đ                                    | Đ                      | 9,4                                                             | 8,1     | 6,7     | 8,2    | 8,8     | 9,6  | 9,0                                 | T                        | K                          |
| 15           | Nguyễn Thị Tuyết Nhung     | Đ                                    | Đ                      | 6,2                                                             | 7,8     | 6,0     | 6,8    | 7,8     | 7,7  | 9,7                                 | K                        | T                          |
| 16           | Huỳnh Minh Phát            | Đ                                    | Đ                      | 5,2                                                             | 6,4     | 4,9     | 6,8    | 8,6     | 7,3  | 9,3                                 | Đ                        | T                          |
| 17           | Phạm Văn Phi               | Đ                                    | Đ                      | 6,1                                                             | 6,1     | 5,0     | 5,3    | 7,9     | 6,5  | 8,9                                 | Đ                        | T                          |
| 18           | Huỳnh Thanh Phong          | Đ                                    | Đ                      | 6,5                                                             | 7,5     | 5,9     | 6,9    | 8,0     | 7,8  | 9,3                                 | K                        | T                          |
| 19           | Chung Minh Tài             | Đ                                    | Đ                      | 7,0                                                             | 7,4     | 5,3     | 6,8    | 8,0     | 6,6  | 9,6                                 | K                        | T                          |
| 20           | Võ Hoàng Minh Tài          | Đ                                    | Đ                      | 6,3                                                             | 7,6     | 5,9     | 5,5    | 8,9     | 8,4  | 9,6                                 | Đ                        | T                          |
| 21           | Huỳnh Tấn Tài              | Đ                                    | Đ                      | 6,4                                                             | 6,5     | 5,2     | 7,4    | 7,9     | 6,1  | 9,6                                 | Đ                        | T                          |
| 22           | Nguyễn Thành Tài           | Đ                                    | Đ                      | 7,2                                                             | 7,7     | 5,6     | 6,2    | 8,6     | 7,5  | 9,0                                 | K                        | T                          |
| 23           | Cam Vĩnh Thiên             | Đ                                    | Đ                      | 6,7                                                             | 7,7     | 5,4     | 8,2    | 7,9     | 6,5  | 9,6                                 | K                        | T                          |
| 24           | Đào Phúc Thịnh             | Đ                                    | Đ                      | 5,9                                                             | 6,9     | 5,9     | 6,7    | 8,7     | 7,2  | 9,5                                 | K                        | T                          |
| 25           | Nguyễn Trúc Thanh Thuận    | Đ                                    | Đ                      | 4,6                                                             | 6,8     | 5,2     | 6,4    | 8,1     | 5,9  | 9,3                                 | Đ                        | T                          |
| 26           | Nguyễn Ngọc Minh Thư       | Đ                                    | Đ                      | 7,4                                                             | 7,9     | 6,2     | 7,4    | 9,1     | 9,3  | 9,7                                 | K                        | T                          |
| 26           | Đặng Lệ Thuý               |                                      |                        |                                                                 |         |         |        |         |      |                                     |                          |                            |
| 28           | Trương Nguyễn Bảo Trân     | Đ                                    | Đ                      | 5,2                                                             | 6,5     | 5,2     | 6,5    | 8,8     | 7,6  | 9,6                                 | K                        | T                          |
| 29           | Nguyễn Ngọc Trân           | Đ                                    | Đ                      | 6,6                                                             | 6,4     | 6,2     | 7,2    | 8,3     | 7,1  | 9,0                                 | K                        | K                          |
| 30           | Đỗ Minh Trí                | Đ                                    | Đ                      | 6,7                                                             | 7,8     | 5,2     | 6,1    | 8,0     | 6,8  | 9,0                                 | K                        | T                          |
| 31           | Lê Thị Ngọc Trinh          | Đ                                    | Đ                      | 6,1                                                             | 7,4     | 5,3     | 6,7    | 8,1     | 6,8  | 9,6                                 | K                        | T                          |
| 32           | Lê Văn Trọng               | Đ                                    | Đ                      | 6,5                                                             | 7,8     | 5,2     | 6,1    | 7,9     | 7,2  | 9,1                                 | K                        | T                          |
| 33           | Nguyễn Thị Thanh Trúc      | Đ                                    | Đ                      | 6,9                                                             | 7,3     | 6,9     | 8,3    | 8,6     | 7,0  | 9,5                                 | K                        | T                          |
| 34           | Nguyễn Thanh Châu Tuấn     | Đ                                    | Đ                      | 6,3                                                             | 8,4     | 5,7     | 6,5    | 8,1     | 6,7  | 8,9                                 | K                        | T                          |
| 35           | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền | Đ                                    | Đ                      | 8,1                                                             | 6,9     | 7,0     | 7,2    | 8,1     | 6,9  | 9,1                                 | K                        | T                          |
| 36           | Nguyễn Thị Thanh Tuyền     | Đ                                    | Đ                      | 5,0                                                             | 5,6     | 5,1     | 7,1    | 7,2     | 6,0  | 9,4                                 | Đ                        | T                          |
| 37           | Nguyễn Lê Cát Tường        | Đ                                    | Đ                      | 7,1                                                             | 7,1     | 5,6     | 6,8    | 8,2     | 7,2  | 9,4                                 | K                        | T                          |
| 38           | Nguyễn Thị Cẩm Vân         | Đ                                    | Đ                      | 5,6                                                             | 7,9     | 5,3     | 6,8    | 8,4     | 6,7  | 9,6                                 | K                        | T                          |
| 39           | Nguyễn Hồ Quốc Việt        | Đ                                    | Đ                      | 6,1                                                             | 6,2     | 5,5     | 7,6    | 8,1     | 6,3  | 9,6                                 | Đ                        | T                          |
| 40           | Nguyễn Ngọc Thảo Vy        | Đ                                    | Đ                      | 7,0                                                             | 7,3     | 6,3     | 7,2    | 8,8     | 7,6  | 9,7                                 | K                        | T                          |
| 41           | Nguyễn Lê Như Ý            | Đ                                    | Đ                      | 6,7                                                             | 8,6     | 6,1     | 8,7    | 8,0     | 7,6  | 9,6                                 | K                        | T                          |
| 42           | Đỗ Thị Kim Yến             |                                      |                        |                                                                 |         |         |        |         |      |                                     |                          |                            |

Giáo viên chủ nhiệm  
Ký và ghi rõ họ tên

Đinh Thị Hồng Lan

# **PHẦN GHI ĐIỂM**

## **HỌC KỲ II**

HỌC KỲ II

Vật lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

| STT | Họ và tên                  | ĐĐGtx |     |      |  |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú              |
|-----|----------------------------|-------|-----|------|--|--|-------|-------|--------|--------|--------------|--------|----------------------|
|     |                            |       |     |      |  |  |       |       |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                      |
| 1   | Nguyễn Tuấn Anh            | 8,0   | 7,0 | 6,0  |  |  | 7,5   | 7,0   | 7,1    | 6.7    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 2   | Phan Nguyễn Hoài Ân        | 7,0   | 6,0 | 9,0  |  |  | 7,0   | 8,5   | 7,7    | 6.8    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 3   | Nguyễn Nam Bình            | 8,0   | 4,0 | 8,0  |  |  | 7,5   | 6,5   | 6,8    | 6.5    |              |        | Học khá, có cố gắng. |
| 4   | Ngô Trần Minh Duy          |       |     |      |  |  |       |       |        |        |              |        |                      |
| 5   | Hồ Thanh Duy               | 8,0   | 5,0 | 9,0  |  |  | 6,8   | 7,5   | 7,3    | 6.5    |              |        | Học khá, có cố gắng. |
| 6   | Nguyễn Thị Ngân Giang      | 9,0   | 6,0 | 9,0  |  |  | 5,8   | 7,8   | 7,4    | 7.1    |              |        | Học khá, có cố gắng. |
| 7   | Huỳnh Ngọc Hà              | 8,0   | 6,0 | 7,0  |  |  | 6,0   | 8,5   | 7,3    | 7.2    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 8   | Nguyễn Ngọc Hân            | 8,0   | 7,0 | 7,0  |  |  | 6,8   | 7,0   | 7,1    | 7.0    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 9   | Phan Thị Mai Huyền         | 9,0   | 7,0 | 10,0 |  |  | 6,3   | 7,8   | 7,8    | 7.2    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 10  | Võ Đăng Khoa               | 8,0   | 6,0 | 7,0  |  |  | 5,3   | 7,3   | 6,7    | 6.5    |              |        | Học khá, có cố gắng. |
| 11  | Thạch Khải Khoa            | 7,0   | 6,0 | 0,0  |  |  | 6,5   | 0,0   | 3,3    | 4.0    |              |        | Có cố gắng.          |
| 12  | Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh      | 8,0   | 8,0 | 9,0  |  |  | 5,0   | 8,3   | 7,5    | 6.7    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 13  | Nguyễn Thiện Nhân          | 8,0   | 4,0 | 8,0  |  |  | 7,0   | 7,3   | 7,0    | 6.5    |              |        | Học khá, có cố gắng. |
| 14  | Trần Ngọc Nhi              | 9,0   | 7,0 | 9,0  |  |  | 7,8   | 8,8   | 8,4    | 8.7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan. |
| 15  | Nguyễn Thị Tuyết Nhung     | 9,0   | 9,0 | 9,0  |  |  | 5,8   | 6,8   | 7,4    | 7.0    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 16  | Huỳnh Minh Phát            | 7,0   | 6,0 | 9,0  |  |  | 6,8   | 6,0   | 6,7    | 6.2    |              |        | Học khá, có cố gắng. |
| 17  | Phạm Văn Phi               | 8,0   | 6,0 | 8,0  |  |  | 5,0   | 7,3   | 6,7    | 6.5    |              |        | Học khá, có cố gắng. |
| 18  | Huỳnh Thanh Phong          | 9,0   | 7,0 | 9,0  |  |  | 6,8   | 8,8   | 8,1    | 7.6    |              |        | Học tốt, chăm ngoan. |
| 19  | Chung Minh Tài             | 9,0   | 6,0 | 9,0  |  |  | 7,0   | 6,8   | 7,3    | 7.2    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 20  | Võ Hoàng Minh Tài          | 8,0   | 8,0 | 9,0  |  |  | 5,8   | 8,8   | 7,9    | 7.4    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 21  | Huỳnh Tấn Tài              | 8,0   | 6,0 | 9,0  |  |  | 7,0   | 6,8   | 7,2    | 6.9    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 22  | Nguyễn Thành Tài           | 9,0   | 9,0 | 7,0  |  |  | 5,0   | 9,0   | 7,8    | 7.6    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 23  | Cam Vĩnh Thiện             | 8,0   | 7,0 | 8,0  |  |  | 6,0   | 8,8   | 7,7    | 7.4    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 24  | Đào Phúc Thịnh             | 8,0   | 6,0 | 9,0  |  |  | 7,0   | 6,8   | 7,2    | 6.8    |              |        | Học khá, có cố gắng. |
| 25  | Nguyễn Trúc Thanh Thuận    | 8,0   | 7,0 | 8,0  |  |  | 6,5   | 7,0   | 7,1    | 6.3    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 26  | Nguyễn Ngọc Minh Thư       | 9,0   | 8,0 | 10,0 |  |  | 7,0   | 7,5   | 7,9    | 7.7    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 26  | Đặng Lệ Thủy               |       |     |      |  |  |       |       |        |        |              |        |                      |
| 28  | Trương Nguyễn Bảo Trân     | 8,0   | 7,0 | 9,0  |  |  | 6,3   | 7,0   | 7,2    | 6.5    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 29  | Nguyễn Ngọc Trân           | 9,0   | 6,0 | 8,0  |  |  | 5,0   | 6,8   | 6,7    | 6.7    |              |        | Học khá, có cố gắng. |
| 30  | Đỗ Minh Trí                | 8,0   | 6,0 | 8,0  |  |  | 5,0   | 8,0   | 7,0    | 6.9    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 31  | Lê Thị Ngọc Trinh          | 8,0   | 7,0 | 8,0  |  |  | 5,0   | 7,0   | 6,8    | 6.6    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 32  | Lê Văn Trọng               | 9,0   | 9,0 | 7,0  |  |  | 6,0   | 6,3   | 7,0    | 6.8    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 33  | Nguyễn Thị Thanh Trúc      | 7,0   | 6,0 | 10,0 |  |  | 5,5   | 7,3   | 7,0    | 7.0    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 34  | Nguyễn Thanh Châu Tuấn     | 8,0   | 7,0 | 7,0  |  |  | 5,0   | 5,8   | 6,2    | 6.2    |              |        | Học khá, có cố gắng. |
| 35  | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền | 10,0  | 9,0 | 8,0  |  |  | 7,0   | 9,0   | 8,5    | 8.4    |              |        | Học tốt, chăm ngoan. |
| 36  | Nguyễn Thị Thanh Tuyền     | 8,0   | 6,0 | 9,0  |  |  | 5,5   | 6,3   | 6,6    | 6.1    |              |        | Học khá, có cố gắng. |
| 37  | Nguyễn Lê Cát Tường        | 9,0   | 7,0 | 9,0  |  |  | 6,3   | 8,3   | 7,8    | 7.6    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 38  | Nguyễn Thị Cẩm Vân         | 9,0   | 7,0 | 9,0  |  |  | 5,0   | 7,8   | 7,3    | 6.7    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 39  | Nguyễn Hồ Quốc Việt        | 7,0   | 6,0 | 9,0  |  |  | 5,8   | 7,5   | 7,0    | 6.7    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 40  | Nguyễn Ngọc Thảo Vy        | 8,0   | 8,0 | 9,0  |  |  | 7,3   | 7,8   | 7,9    | 7.6    |              |        | Học khá, chăm ngoan. |
| 41  | Nguyễn Lê Như Ý            | 9,0   | 7,0 | 7,0  |  |  | 8,3   | 8,5   | 8,1    | 7.6    |              |        | Học tốt, chăm ngoan. |
| 42  | Đỗ Thị Kim Yến             |       |     |      |  |  |       |       |        |        |              |        |                      |

Giáo viên môn học  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

| HỌC KỲ II |                            |                                                                         |      |      |      |  |       |       |        |        |              |        |                                     |  |
|-----------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------|------|------|--|-------|-------|--------|--------|--------------|--------|-------------------------------------|--|
| Lịch sử   |                            | (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |      |      |      |  |       |       |        |        |              |        |                                     |  |
| STT       | Họ và tên                  | ĐĐGtx                                                                   |      |      |      |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                             |  |
|           |                            |                                                                         |      |      |      |  |       |       |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                                     |  |
| 1         | Nguyễn Tuấn Anh            | 9,0                                                                     | 8,0  | 10,0 | 9,0  |  | 8,0   | 6,5   | 7,9    | 8.3    |              |        | Học khá, chăm ngoan.                |  |
| 2         | Phan Nguyễn Hoài Ân        | 8,0                                                                     | 10,0 | 10,0 | 8,0  |  | 5,5   | 7,3   | 7,7    | 7.5    |              |        | Học khá, chăm ngoan.                |  |
| 3         | Nguyễn Nam Bình            | 7,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 6,0  |  | 7,0   | 9,0   | 8,0    | 7.6    |              |        | Có cố gắng trong học tập.           |  |
| 4         | Ngô Trần Minh Duy          |                                                                         |      |      |      |  |       |       |        |        |              |        |                                     |  |
| 5         | Hồ Thanh Duy               | 7,0                                                                     | 8,0  | 9,0  | 9,0  |  | 7,0   | 6,8   | 7,5    | 6.9    |              |        | Có cố gắng trong học tập.           |  |
| 6         | Nguyễn Thị Ngân Giang      | 7,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 8,0  |  | 8,0   | 8,8   | 8,4    | 7.7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 7         | Huỳnh Ngọc Hà              | 7,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 8,0  |  | 8,0   | 9,0   | 8,4    | 8.0    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 8         | Nguyễn Ngọc Hân            | 8,0                                                                     | 10,0 | 10,0 | 9,0  |  | 8,0   | 8,5   | 8,7    | 8.2    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 9         | Phan Thị Mai Huyền         | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 8,0  |  | 8,0   | 8,5   | 8,4    | 8.0    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 10        | Võ Đăng Khoa               | 8,0                                                                     | 8,0  | 8,0  | 8,0  |  | 7,0   | 7,5   | 7,6    | 7.1    |              |        | Có cố gắng trong học tập.           |  |
| 11        | Thạch Khải Khoa            |                                                                         |      |      |      |  |       |       |        | 6.6    |              |        |                                     |  |
| 12        | Nguyễn Ngọc Thuỷ Linh      | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 9,0  |  | 8,0   | 8,5   | 8,5    | 8.0    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 13        | Nguyễn Thiện Nhân          | 7,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 7,0  |  | 7,5   | 8,0   | 7,9    | 6.9    |              |        | Có cố gắng trong học tập.           |  |
| 14        | Trần Ngọc Nhi              | 7,0                                                                     | 8,0  | 8,0  | 8,0  |  | 7,0   | 9,3   | 8,1    | 8.1    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 15        | Nguyễn Thị Tuyết Nhung     | 8,0                                                                     | 10,0 | 10,0 | 8,0  |  | 5,5   | 8,8   | 8,2    | 8.1    |              |        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |
| 16        | Huỳnh Minh Phát            | 8,0                                                                     | 10,0 | 10,0 | 8,0  |  | 6,5   | 8,0   | 8,1    | 7.5    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 17        | Phạm Văn Phi               | 7,0                                                                     | 10,0 | 10,0 | 8,0  |  | 7,5   | 7,3   | 8,0    | 7.4    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 18        | Huỳnh Thanh Phong          | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 9,0  |  | 9,0   | 8,8   | 8,8    | 8.4    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 19        | Chung Minh Tài             | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 8,0  |  | 8,0   | 8,5   | 8,4    | 8.1    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 20        | Võ Hoàng Minh Tài          | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 9,0  |  | 8,0   | 8,8   | 8,6    | 8.3    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 21        | Huỳnh Tấn Tài              | 8,0                                                                     | 8,0  | 9,0  | 9,0  |  | 7,0   | 7,8   | 7,9    | 7.4    |              |        | Có cố gắng trong học tập.           |  |
| 22        | Nguyễn Thành Tài           | 10,0                                                                    | 10,0 | 9,0  | 8,0  |  | 6,5   | 9,5   | 8,7    | 8.4    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 23        | Cam Vĩnh Thiên             | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 9,0  |  | 8,5   | 8,5   | 8,6    | 8.3    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 24        | Đào Phúc Thịnh             | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 8,0  |  | 8,0   | 7,3   | 8,0    | 7.6    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 25        | Nguyễn Trúc Thanh Thuận    | 8,0                                                                     | 8,0  | 10,0 | 10,0 |  | 7,5   | 7,3   | 8,1    | 7.7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 26        | Nguyễn Ngọc Minh Thư       | 9,0                                                                     | 10,0 | 10,0 | 8,0  |  | 8,0   | 8,8   | 8,8    | 8.5    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 26        | Đặng Lệ Thủy               |                                                                         |      |      |      |  |       |       |        |        |              |        |                                     |  |
| 28        | Trương Nguyễn Bảo Trân     | 7,0                                                                     | 10,0 | 10,0 | 8,0  |  | 7,0   | 8,5   | 8,3    | 7.7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 29        | Nguyễn Ngọc Trân           | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 8,0  |  | 7,5   | 8,5   | 8,3    | 7.7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 30        | Đỗ Minh Trí                | 8,0                                                                     | 10,0 | 10,0 | 8,0  |  | 7,0   | 9,0   | 8,6    | 8.3    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 31        | Lê Thị Ngọc Trinh          | 8,0                                                                     | 8,0  | 10,0 | 10,0 |  | 7,0   | 8,3   | 8,3    | 8.0    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 32        | Lê Văn Trọng               | 8,0                                                                     | 10,0 | 9,0  | 10,0 |  | 8,5   | 9,3   | 9,1    | 8.7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 33        | Nguyễn Thị Thanh Trúc      | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 8,0  |  | 7,5   | 8,3   | 8,2    | 7.9    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 34        | Nguyễn Thanh Châu Tuấn     | 9,0                                                                     | 8,0  | 10,0 | 10,0 |  | 8,0   | 9,3   | 9,0    | 8.8    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 35        | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền | 9,0                                                                     | 10,0 | 10,0 | 8,0  |  | 7,5   | 6,0   | 7,8    | 7.5    |              |        | Có cố gắng trong học tập.           |  |
| 36        | Nguyễn Thị Thanh Tuyền     | 8,0                                                                     | 10,0 | 10,0 | 8,0  |  | 4,5   | 8,5   | 7,8    | 7.1    |              |        | Có cố gắng trong học tập.           |  |
| 37        | Nguyễn Lê Cát Tường        | 8,0                                                                     | 10,0 | 10,0 | 8,0  |  | 7,5   | 9,0   | 8,7    | 8.2    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 38        | Nguyễn Thị Cẩm Vân         | 8,0                                                                     | 8,0  | 10,0 | 10,0 |  | 7,0   | 9,3   | 8,7    | 8.4    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 39        | Nguyễn Hồ Quốc Việt        | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 8,0  |  | 8,0   | 8,8   | 8,5    | 7.7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 40        | Nguyễn Ngọc Thảo Vy        | 8,0                                                                     | 10,0 | 10,0 | 8,0  |  | 7,5   | 9,3   | 8,8    | 8.3    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 41        | Nguyễn Lê Như Ý            | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 8,0  |  | 8,5   | 9,3   | 8,8    | 8.7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.                |  |
| 42        | Đỗ Thị Kim Yến             |                                                                         |      |      |      |  |       |       |        |        |              |        |                                     |  |

Giáo viên môn học  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

| HỌC KỲ II                                                                       |                            |       |     |     |     |     |       |       |        |        |              |        |                                                                               |
|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------|-----|-----|-----|-----|-------|-------|--------|--------|--------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |                            |       |     |     |     |     |       |       |        |        |              |        |                                                                               |
| STT                                                                             | Họ và tên                  | ĐĐGtx |     |     |     |     | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                                                                       |
|                                                                                 |                            |       |     |     |     |     |       |       |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                                                                               |
| 1                                                                               | Nguyễn Tuấn Anh            | 5,0   | 6,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,5   | 3,5   | 4,8    | 5.0    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 2                                                                               | Phan Nguyễn Hoài Ân        | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 5,0 | 5,0 | 4,5   | 5,0   | 5,0    | 5.0    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 3                                                                               | Nguyễn Nam Bình            | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 4,0 | 5,0 | 4,0   | 6,0   | 5,1    | 5.0    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 4                                                                               | Ngô Trần Minh Duy          |       |     |     |     |     |       |       |        |        |              |        |                                                                               |
| 5                                                                               | Hồ Thanh Duy               | 5,0   | 6,0 | 5,0 | 5,0 | 4,0 | 4,5   | 5,5   | 5,1    | 5.2    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 6                                                                               | Nguyễn Thị Ngân Giang      | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,0   | 6,0   | 5,1    | 5.3    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 7                                                                               | Huỳnh Ngọc Hà              | 5,0   | 6,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,5   | 5,5   | 5,2    | 5.5    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 8                                                                               | Nguyễn Ngọc Hân            | 5,0   | 6,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,5   | 6,0   | 5,3    | 5.4    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 9                                                                               | Phan Thị Mai Huyền         | 5,0   | 6,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,5   | 6,0   | 5,3    | 5.5    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 10                                                                              | Võ Đăng Khoa               | 4,0   | 5,0 | 6,0 | 5,0 | 5,0 | 5,5   | 4,5   | 5,0    | 5.0    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 11                                                                              | Thạch Khải Khoa            | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 5,0 | 6,0 | 6,0   | 6,0   | 5,7    | 5.6    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 12                                                                              | Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh      | 5,0   | 6,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,5   | 6,0   | 5,3    | 5.2    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 13                                                                              | Nguyễn Thiện Nhân          | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 5,0 | 5,0 | 4,5   | 6,0   | 5,3    | 5.0    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 14                                                                              | Trần Ngọc Nhi              | 5,0   | 6,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 6,0   | 5,5   | 5,5    | 5.9    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 15                                                                              | Nguyễn Thị Tuyết Nhung     | 6,0   | 6,0 | 7,0 | 6,0 | 5,0 | 5,5   | 4,0   | 5,3    | 5.5    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 16                                                                              | Huỳnh Minh Phát            | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,5   | 5,5   | 5,1    | 5.0    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 17                                                                              | Phạm Văn Phi               | 4,0   | 5,0 | 6,0 | 5,0 | 6,0 | 5,0   | 4,5   | 5,0    | 5.0    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 18                                                                              | Huỳnh Thanh Phong          | 5,0   | 6,0 | 7,0 | 7,0 | 4,0 | 5,5   | 5,5   | 5,7    | 5.8    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 19                                                                              | Chung Minh Tài             | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,5   | 6,0   | 5,2    | 5.2    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 20                                                                              | Võ Hoàng Minh Tài          | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,0   | 6,0   | 5,1    | 5.4    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 21                                                                              | Huỳnh Tấn Tài              | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,5   | 5,0   | 4,9    | 5.0    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 22                                                                              | Nguyễn Thành Tài           | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,0   | 5,0   | 4,8    | 5.1    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 23                                                                              | Cam Vĩnh Thiên             | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,0   | 6,0   | 5,1    | 5.2    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 24                                                                              | Đào Phúc Thịnh             | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 6,0 | 4,0 | 5,5   | 6,0   | 5,5    | 5.6    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 25                                                                              | Nguyễn Trúc Thanh Thuận    | 5,0   | 5,0 | 5,0 | 6,0 | 4,0 | 4,0   | 5,5   | 5,0    | 5.1    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 26                                                                              | Nguyễn Ngọc Minh Thư       | 7,0   | 7,0 | 8,0 | 7,0 | 6,0 | 5,5   | 5,0   | 6,1    | 6.1    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 26                                                                              | Đặng Lệ Thủy               |       |     |     |     |     |       |       |        |        |              |        |                                                                               |
| 28                                                                              | Trương Nguyễn Bảo Trân     | 5,0   | 6,0 | 7,0 | 6,0 | 4,0 | 4,0   | 4,5   | 5,0    | 5.1    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 29                                                                              | Nguyễn Ngọc Trân           | 5,0   | 6,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,0   | 6,0   | 5,2    | 5.5    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 30                                                                              | Đỗ Minh Trí                | 6,0   | 7,0 | 7,0 | 7,0 | 5,0 | 5,5   | 5,5   | 6,0    | 5.7    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 31                                                                              | Lê Thị Ngọc Trinh          | 6,0   | 6,0 | 7,0 | 6,0 | 5,0 | 5,5   | 6,0   | 5,9    | 5.7    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 32                                                                              | Lê Văn Trọng               | 5,0   | 6,0 | 7,0 | 6,0 | 5,0 | 5,5   | 5,5   | 5,7    | 5.5    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 33                                                                              | Nguyễn Thị Thanh Trúc      | 7,0   | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 5,0 | 5,5   | 5,5   | 6,4    | 6.6    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 34                                                                              | Nguyễn Thanh Châu Tuấn     | 5,0   | 6,0 | 7,0 | 6,0 | 5,0 | 4,5   | 5,0   | 5,3    | 5.4    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 35                                                                              | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền | 7,0   | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 6,0 | 6,5   | 7,5   | 7,3    | 7.2    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Có nhiều cố gắng trong học tập. Triển vọng phát triển tốt |
| 36                                                                              | Nguyễn Thị Thanh Tuyền     | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,5   | 6,0   | 5,2    | 5.2    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 37                                                                              | Nguyễn Lê Cát Tường        | 5,0   | 6,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,0   | 5,5   | 5,1    | 5.3    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 38                                                                              | Nguyễn Thị Cẩm Vân         | 5,0   | 6,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,5   | 5,0   | 5,0    | 5.1    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 39                                                                              | Nguyễn Hồ Quốc Việt        | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 5,0 | 4,0 | 4,5   | 6,0   | 5,2    | 5.3    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 40                                                                              | Nguyễn Ngọc Thảo Vy        | 6,0   | 7,0 | 8,0 | 7,0 | 7,0 | 6,5   | 6,0   | 6,6    | 6.5    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Có nhiều cố gắng trong học tập. Triển vọng phát triển tốt |
| 41                                                                              | Nguyễn Lê Như Ý            | 6,0   | 6,0 | 7,0 | 7,0 | 4,0 | 4,5   | 6,0   | 5,7    | 5.8    |              |        | Đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng học tập nhiều hơn                             |
| 42                                                                              | Đỗ Thị Kim Yến             |       |     |     |     |     |       |       |        |        |              |        |                                                                               |

Giáo viên môn học  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mã Thành Thái

| HỌC KỲ II                                                                      |                            |       |     |      |  |  |       |       |        |        |              |        |  |                                         |
|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------|-----|------|--|--|-------|-------|--------|--------|--------------|--------|--|-----------------------------------------|
| Địa Lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |                            |       |     |      |  |  |       |       |        |        |              |        |  |                                         |
| STT                                                                            | Họ và tên                  | ĐĐGtx |     |      |  |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        |  | Ghi Chú                                 |
|                                                                                |                            |       |     |      |  |  |       |       |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |  |                                         |
| 1                                                                              | Nguyễn Tuấn Anh            | 10,0  | 8,0 | 9,0  |  |  | 5,5   | 7,0   | 7,4    | 7.4    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 2                                                                              | Phan Nguyễn Hoài Ân        | 7,0   | 8,0 | 9,0  |  |  | 5,0   | 4,5   | 5,9    | 5.9    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 3                                                                              | Nguyễn Nam Bình            | 2,0   | 6,0 | 9,0  |  |  | 5,5   | 6,0   | 5,8    | 5.5    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 4                                                                              | Ngô Trần Minh Duy          |       |     |      |  |  |       |       |        |        |              |        |  |                                         |
| 5                                                                              | Hồ Thanh Duy               | 2,0   | 6,0 | 8,0  |  |  | 5,0   | 3,5   | 4,6    | 5.3    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 6                                                                              | Nguyễn Thị Ngân Giang      | 7,0   | 7,0 | 9,0  |  |  | 3,5   | 9,0   | 7,1    | 6.6    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 7                                                                              | Huỳnh Ngọc Hà              | 7,0   | 8,0 | 9,0  |  |  | 4,5   | 8,0   | 7,1    | 6.9    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 8                                                                              | Nguyễn Ngọc Hân            | 8,0   | 8,0 | 9,0  |  |  | 5,0   | 6,5   | 6,8    | 7.1    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 9                                                                              | Phan Thị Mai Huyền         | 6,0   | 4,0 | 9,0  |  |  | 6,0   | 7,0   | 6,5    | 6.4    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 10                                                                             | Võ Đăng Khoa               | 2,0   | 8,0 | 9,0  |  |  | 4,5   | 6,5   | 5,9    | 6.0    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 11                                                                             | Thạch Khải Khoa            |       |     |      |  |  |       |       |        | 5.7    |              |        |  |                                         |
| 12                                                                             | Nguyễn Ngọc Thuý Linh      | 6,0   | 6,0 | 8,0  |  |  | 5,5   | 6,0   | 6,1    | 6.3    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 13                                                                             | Nguyễn Thiện Nhân          | 4,0   | 5,0 | 9,0  |  |  | 5,0   | 5,5   | 5,6    | 5.4    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 14                                                                             | Trần Ngọc Nhi              | 5,0   | 7,0 | 5,0  |  |  | 7,0   | 9,0   | 7,3    | 7.6    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 15                                                                             | Nguyễn Thị Tuyết Nhung     | 9,0   | 8,0 | 10,0 |  |  | 5,5   | 6,5   | 7,2    | 7.1    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 16                                                                             | Huỳnh Minh Phát            | 7,0   | 8,0 | 9,0  |  |  | 5,5   | 5,0   | 6,3    | 6.5    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 17                                                                             | Phạm Văn Phi               | 4,0   | 7,0 | 8,0  |  |  | 4,0   | 6,5   | 5,8    | 5.6    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 18                                                                             | Huỳnh Thanh Phong          | 8,0   | 5,0 | 8,0  |  |  | 6,0   | 5,5   | 6,2    | 6.4    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 19                                                                             | Chung Minh Tài             | 7,0   | 8,0 | 9,0  |  |  | 6,0   | 6,0   | 6,8    | 6.8    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 20                                                                             | Võ Hoàng Minh Tài          | 8,0   | 5,0 | 9,0  |  |  | 6,5   | 7,0   | 7,0    | 6.5    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 21                                                                             | Huỳnh Tấn Tài              | 7,0   | 6,0 | 10,0 |  |  | 5,0   | 5,0   | 6,0    | 6.5    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 22                                                                             | Nguyễn Thành Tài           | 10,0  | 8,0 | 9,0  |  |  | 6,5   | 9,0   | 8,4    | 7.7    |              |        |  | Chăm ngoan, học tốt                     |
| 23                                                                             | Cam Vinh Thiên             | 10,0  | 7,0 | 9,0  |  |  | 5,0   | 6,5   | 6,9    | 7.3    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 24                                                                             | Đào Phúc Thịnh             | 7,0   | 7,0 | 8,0  |  |  | 5,0   | 6,0   | 6,3    | 6.4    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 25                                                                             | Nguyễn Trúc Thanh Thuận    | 7,0   | 9,0 | 9,0  |  |  | 4,5   | 6,5   | 6,7    | 6.6    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 26                                                                             | Nguyễn Ngọc Minh Thư       | 9,0   | 8,0 | 9,0  |  |  | 4,0   | 7,5   | 7,1    | 7.2    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 26                                                                             | Đặng Lệ Thủy               |       |     |      |  |  |       |       |        |        |              |        |  |                                         |
| 28                                                                             | Trương Nguyễn Bảo Trân     | 6,0   | 9,0 | 10,0 |  |  | 5,0   | 5,0   | 6,3    | 6.4    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 29                                                                             | Nguyễn Ngọc Trân           | 8,0   | 9,0 | 7,0  |  |  | 5,0   | 5,0   | 6,1    | 6.5    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 30                                                                             | Đỗ Minh Trí                | 8,0   | 6,0 | 9,0  |  |  | 6,0   | 8,0   | 7,4    | 7.0    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 31                                                                             | Lê Thị Ngọc Trinh          | 10,0  | 7,0 | 10,0 |  |  | 6,0   | 6,0   | 7,1    | 7.0    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 32                                                                             | Lê Văn Trọng               | 10,0  | 8,0 | 8,0  |  |  | 6,0   | 5,5   | 6,8    | 6.6    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 33                                                                             | Nguyễn Thị Thanh Trúc      | 9,0   | 7,0 | 9,0  |  |  | 5,5   | 7,0   | 7,1    | 7.5    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 34                                                                             | Nguyễn Thanh Châu Tuấn     | 7,0   | 9,0 | 9,0  |  |  | 6,0   | 7,5   | 7,4    | 7.1    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 35                                                                             | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền | 9,0   | 7,0 | 9,0  |  |  | 6,0   | 7,5   | 7,4    | 7.3    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 36                                                                             | Nguyễn Thị Thanh Tuyền     | 5,0   | 7,0 | 8,0  |  |  | 3,5   | 4,5   | 5,1    | 5.8    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 37                                                                             | Nguyễn Lê Cát Tường        | 7,0   | 8,0 | 9,0  |  |  | 4,5   | 7,5   | 6,9    | 6.9    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 38                                                                             | Nguyễn Thị Cẩm Vân         | 10,0  | 7,0 | 10,0 |  |  | 5,5   | 4,5   | 6,4    | 6.5    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 39                                                                             | Nguyễn Hồ Quốc Việt        | 7,0   | 6,0 | 8,0  |  |  | 5,0   | 6,0   | 6,1    | 6.6    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 40                                                                             | Nguyễn Ngọc Thảo Vy        | 9,0   | 8,0 | 9,0  |  |  | 6,0   | 8,5   | 7,9    | 7.7    |              |        |  | Chăm ngoan, học khá                     |
| 41                                                                             | Nguyễn Lê Như Ý            | 5,0   | 5,0 | 9,0  |  |  | 5,0   | 7,0   | 6,3    | 7.1    |              |        |  | Cần cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập |
| 42                                                                             | Đỗ Thị Kim Yến             |       |     |      |  |  |       |       |        |        |              |        |  |                                         |

Giáo viên môn học  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Hiện

| <div> <div>HỌC KỲ II</div> <div>Tin học</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> </div> |                            |       |      |      |  |  |       |       |        |        |              |        |                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------|------|------|--|--|-------|-------|--------|--------|--------------|--------|-----------------|
| STT                                                                                                                                     | Họ và tên                  | ĐĐGtx |      |      |  |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú         |
|                                                                                                                                         |                            |       |      |      |  |  |       |       |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                 |
| 1                                                                                                                                       | Nguyễn Tuấn Anh            | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 5,5   | 7,0   | 7,6    | 7.9    |              |        | Học Khá         |
| 2                                                                                                                                       | Phan Nguyễn Hoài Ân        | 10,0  | 10,0 | 8,0  |  |  | 5,5   | 7,0   | 7,5    | 7.9    |              |        | Học Khá         |
| 3                                                                                                                                       | Nguyễn Nam Bình            | 8,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 6,3   | 5,3   | 6,8    | 7.1    |              |        | Học Khá         |
| 4                                                                                                                                       | Ngô Trần Minh Duy          |       |      |      |  |  |       |       |        |        |              |        |                 |
| 5                                                                                                                                       | Hồ Thanh Duy               | 8,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 6,0   | 7,3   | 7,5    | 7.6    |              |        | Học Khá         |
| 6                                                                                                                                       | Nguyễn Thị Ngân Giang      | 8,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 8,0   | 9,5   | 9,1    | 8.6    |              |        | Học Tốt         |
| 7                                                                                                                                       | Huỳnh Ngọc Hà              | 9,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 8,3   | 9,5   | 8,8    | 8.6    |              |        | Học Tốt         |
| 8                                                                                                                                       | Nguyễn Ngọc Hân            | 9,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 8,5   | 9,0   | 8,9    | 8.7    |              |        | Học Tốt         |
| 9                                                                                                                                       | Phan Thị Mai Huyền         | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 6,8   | 9,0   | 8,7    | 8.4    |              |        | Học Tốt         |
| 10                                                                                                                                      | Võ Đăng Khoa               | 10,0  | 8,0  | 8,0  |  |  | 5,0   | 5,3   | 6,5    | 7.1    |              |        | Học Khá         |
| 11                                                                                                                                      | Thạch Khải Khoa            | 8,0   | 6,0  | 8,0  |  |  | 6,0   | 0,0   | 4,3    | 5.0    |              |        | Cần cố gắng hơn |
| 12                                                                                                                                      | Nguyễn Ngọc Thuỷ Linh      | 8,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 5,8   | 5,3   | 6,7    | 7.1    |              |        | Học Khá         |
| 13                                                                                                                                      | Nguyễn Thiện Nhân          | 8,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 6,8   | 7,5   | 7,5    | 7.6    |              |        | Học Khá         |
| 14                                                                                                                                      | Trần Ngọc Nhi              | 8,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 4,3   | 8,0   | 7,1    | 7.7    |              |        | Học Khá         |
| 15                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Tuyết Nhung     | 10,0  | 10,0 | 8,0  |  |  | 9,5   | 9,0   | 9,3    | 8.8    |              |        | Học Tốt         |
| 16                                                                                                                                      | Huỳnh Minh Phát            | 10,0  | 8,0  | 8,0  |  |  | 8,0   | 7,3   | 8,0    | 8.2    |              |        | Học Tốt         |
| 17                                                                                                                                      | Phạm Văn Phi               | 8,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 5,5   | 6,3   | 7,0    | 7.3    |              |        | Học Khá         |
| 18                                                                                                                                      | Huỳnh Thanh Phong          | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 6,3   | 8,0   | 8,3    | 8.2    |              |        | Học Tốt         |
| 19                                                                                                                                      | Chung Minh Tài             | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 6,5   | 6,8   | 7,9    | 7.9    |              |        | Học Khá         |
| 20                                                                                                                                      | Võ Hoàng Minh Tài          | 10,0  | 8,0  | 10,0 |  |  | 6,5   | 7,3   | 7,9    | 8.2    |              |        | Học Khá         |
| 21                                                                                                                                      | Huỳnh Tấn Tài              | 10,0  | 8,0  | 8,0  |  |  | 7,5   | 7,0   | 7,8    | 7.8    |              |        | Học Khá         |
| 22                                                                                                                                      | Nguyễn Thành Tài           | 10,0  | 8,0  | 10,0 |  |  | 5,8   | 6,8   | 7,5    | 7.9    |              |        | Học Khá         |
| 23                                                                                                                                      | Cam Vĩnh Thiên             | 8,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 6,5   | 7,3   | 7,7    | 7.8    |              |        | Học Khá         |
| 24                                                                                                                                      | Đào Phúc Thịnh             | 8,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 5,8   | 7,0   | 7,2    | 7.7    |              |        | Học Khá         |
| 25                                                                                                                                      | Nguyễn Trúc Thanh Thuận    | 10,0  | 10,0 | 8,0  |  |  | 6,8   | 6,5   | 7,6    | 7.8    |              |        | Học Khá         |
| 26                                                                                                                                      | Nguyễn Ngọc Minh Thư       | 10,0  | 8,0  | 9,0  |  |  | 9,8   | 8,8   | 9,1    | 9.1    |              |        | Học Tốt         |
| 26                                                                                                                                      | Đặng Lệ Thủy               |       |      |      |  |  |       |       |        |        |              |        |                 |
| 28                                                                                                                                      | Trương Nguyễn Bảo Trân     | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 8,3   | 9,0   | 9,2    | 9.1    |              |        | Học Tốt         |
| 29                                                                                                                                      | Nguyễn Ngọc Trân           | 8,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 6,0   | 7,8   | 7,4    | 7.7    |              |        | Học Khá         |
| 30                                                                                                                                      | Đỗ Minh Trí                | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 5,0   | 5,3   | 6,7    | 7.1    |              |        | Học Khá         |
| 31                                                                                                                                      | Lê Thị Ngọc Trinh          | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 7,3   | 7,5   | 8,3    | 8.2    |              |        | Học Tốt         |
| 32                                                                                                                                      | Lê Văn Trọng               | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 6,5   | 6,3   | 7,6    | 7.7    |              |        | Học Khá         |
| 33                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Thanh Trúc      | 10,0  | 10,0 | 8,0  |  |  | 8,5   | 8,3   | 8,7    | 8.7    |              |        | Học Tốt         |
| 34                                                                                                                                      | Nguyễn Thanh Châu Tuấn     | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 5,3   | 7,5   | 7,8    | 7.9    |              |        | Học Khá         |
| 35                                                                                                                                      | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 5,0   | 6,3   | 7,4    | 7.6    |              |        | Học Khá         |
| 36                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Thanh Tuyền     | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 6,0   | 6,5   | 7,6    | 7.5    |              |        | Học Khá         |
| 37                                                                                                                                      | Nguyễn Lê Cát Tường        | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 8,3   | 9,5   | 9,0    | 8.7    |              |        | Học Tốt         |
| 38                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Cẩm Vân         | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 7,0   | 9,3   | 8,7    | 8.6    |              |        | Học Tốt         |
| 39                                                                                                                                      | Nguyễn Hồ Quốc Việt        | 10,0  | 8,0  | 10,0 |  |  | 7,5   | 8,5   | 8,6    | 8.4    |              |        | Học Tốt         |
| 40                                                                                                                                      | Nguyễn Ngọc Thảo Vy        | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 8,3   | 9,0   | 8,8    | 8.8    |              |        | Học Tốt         |
| 41                                                                                                                                      | Nguyễn Lê Như Ý            | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 8,0   | 9,3   | 8,9    | 8.6    |              |        | Học Tốt         |
| 42                                                                                                                                      | Đỗ Thị Kim Yến             |       |      |      |  |  |       |       |        |        |              |        |                 |

Giáo viên môn học  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Trương Phụng Thọ

| HỌC KỲ II                                                                    |                            |       |     |      |      |  |       |       |        |        |              |        |                                                                          |  |
|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------|-----|------|------|--|-------|-------|--------|--------|--------------|--------|--------------------------------------------------------------------------|--|
| Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |                            |       |     |      |      |  |       |       |        |        |              |        |                                                                          |  |
| STT                                                                          | Họ và tên                  | ĐĐGtx |     |      |      |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                                                                  |  |
|                                                                              |                            |       |     |      |      |  |       |       |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                                                                          |  |
| 1                                                                            | Nguyễn Tuấn Anh            | 9,0   | 8,0 | 7,0  | 8,0  |  | 6,5   | 5,0   | 6,7    | 6.4    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 2                                                                            | Phan Nguyễn Hoài Ân        | 7,0   | 8,0 | 9,0  | 7,0  |  | 7,0   | 6,5   | 7,2    | 6.9    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 3                                                                            | Nguyễn Nam Bình            | 7,0   | 7,0 | 6,0  | 9,0  |  | 6,3   | 6,8   | 6,9    | 6.7    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 4                                                                            | Ngô Trần Minh Duy          |       |     |      |      |  |       |       |        |        |              |        |                                                                          |  |
| 5                                                                            | Hồ Thanh Duy               | 8,0   | 7,0 | 8,0  | 7,0  |  | 7,5   | 6,3   | 7,1    | 6.5    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 6                                                                            | Nguyễn Thị Ngân Giang      | 7,0   | 8,0 | 7,0  | 8,0  |  | 6,3   | 5,0   | 6,4    | 6.3    |              |        | Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè.                               |  |
| 7                                                                            | Huỳnh Ngọc Hà              | 8,0   | 8,0 | 8,0  | 9,0  |  | 7,0   | 6,3   | 7,3    | 7.5    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 8                                                                            | Nguyễn Ngọc Hân            | 8,0   | 7,0 | 8,0  | 9,0  |  | 7,5   | 7,0   | 7,6    | 7.4    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 9                                                                            | Phan Thị Mai Huyền         | 7,0   | 8,0 | 9,0  | 8,0  |  | 7,0   | 5,8   | 7,0    | 6.9    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 10                                                                           | Võ Đăng Khoa               | 7,0   | 8,0 | 7,0  | 8,0  |  | 5,0   | 6,0   | 6,4    | 6.1    |              |        | Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè.                               |  |
| 11                                                                           | Thạch Khải Khoa            | 7,0   | 9,0 | 8,0  | 9,0  |  | 5,3   | 0,0   | 4,8    | 5.7    |              |        | Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè.                               |  |
| 12                                                                           | Nguyễn Ngọc Thuý Linh      | 8,0   | 7,0 | 9,0  | 8,0  |  | 5,0   | 8,0   | 7,3    | 7.2    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 13                                                                           | Nguyễn Thiện Nhân          | 7,0   | 7,0 | 8,0  | 7,0  |  | 7,0   | 6,5   | 6,9    | 6.9    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 14                                                                           | Trần Ngọc Nhi              | 8,0   | 8,0 | 9,0  | 10,0 |  | 6,0   | 8,8   | 8,2    | 8.7    |              |        | Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao      |  |
| 15                                                                           | Nguyễn Thị Tuyết Nhung     | 7,0   | 9,0 | 8,0  | 7,0  |  | 6,8   | 6,8   | 7,2    | 7.4    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 16                                                                           | Huỳnh Minh Phát            | 9,0   | 8,0 | 9,0  | 9,0  |  | 6,8   | 5,0   | 7,1    | 7.2    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 17                                                                           | Phạm Văn Phi               | 7,0   | 8,0 | 7,0  | 8,0  |  | 5,0   | 5,5   | 6,3    | 6.4    |              |        | Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè.                               |  |
| 18                                                                           | Huỳnh Thanh Phong          | 7,0   | 7,0 | 8,0  | 9,0  |  | 6,0   | 7,3   | 7,2    | 7.4    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 19                                                                           | Chung Minh Tài             | 7,0   | 7,0 | 8,0  | 9,0  |  | 5,3   | 6,0   | 6,6    | 6.6    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 20                                                                           | Võ Hoàng Minh Tài          | 6,0   | 9,0 | 10,0 | 9,0  |  | 6,5   | 9,5   | 8,4    | 8.4    |              |        | Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao      |  |
| 21                                                                           | Huỳnh Tấn Tài              | 7,0   | 7,0 | 8,0  | 8,0  |  | 7,0   | 5,3   | 6,7    | 6.5    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 22                                                                           | Nguyễn Thành Tài           | 7,0   | 8,0 | 8,0  | 7,0  |  | 6,0   | 6,8   | 6,9    | 7.1    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 23                                                                           | Cam Vĩnh Thiên             | 8,0   | 7,0 | 6,0  | 9,0  |  | 6,5   | 6,5   | 6,9    | 6.8    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 24                                                                           | Đào Phúc Thịnh             | 7,0   | 9,0 | 7,0  | 8,0  |  | 6,3   | 5,8   | 6,8    | 6.9    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 25                                                                           | Nguyễn Trúc Thanh Thuận    | 8,0   | 7,0 | 7,0  | 8,0  |  | 6,8   | 5,0   | 6,5    | 6.3    |              |        | Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè.                               |  |
| 26                                                                           | Nguyễn Ngọc Minh Thư       | 8,0   | 9,0 | 9,0  | 10,0 |  | 8,3   | 9,5   | 9,0    | 9.1    |              |        | Trung thực, sáng tạo, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tiễn tốt |  |
| 26                                                                           | Đặng Lệ Thuý               |       |     |      |      |  |       |       |        |        |              |        |                                                                          |  |
| 28                                                                           | Trương Nguyễn Bảo Trân     | 8,0   | 7,0 | 8,0  | 9,0  |  | 6,3   | 6,3   | 7,1    | 7.3    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 29                                                                           | Nguyễn Ngọc Trân           | 8,0   | 7,0 | 8,0  | 8,0  |  | 6,5   | 6,3   | 7,0    | 7.0    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 30                                                                           | Đỗ Minh Trí                | 8,0   | 8,0 | 7,0  | 8,0  |  | 5,5   | 5,3   | 6,4    | 6.5    |              |        | Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè.                               |  |
| 31                                                                           | Lê Thị Ngọc Trinh          | 8,0   | 7,0 | 7,0  | 9,0  |  | 6,3   | 7,3   | 7,3    | 7.1    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 32                                                                           | Lê Văn Trọng               | 9,0   | 8,0 | 7,0  | 8,0  |  | 5,0   | 5,0   | 6,3    | 6.6    |              |        | Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè.                               |  |
| 33                                                                           | Nguyễn Thị Thanh Trúc      | 8,0   | 7,0 | 7,0  | 9,0  |  | 6,5   | 7,3   | 7,3    | 7.2    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 34                                                                           | Nguyễn Thanh Châu Tuấn     | 8,0   | 8,0 | 7,0  | 8,0  |  | 5,0   | 5,0   | 6,2    | 6.4    |              |        | Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè.                               |  |
| 35                                                                           | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền | 7,0   | 7,0 | 8,0  | 8,0  |  | 6,3   | 5,0   | 6,4    | 6.6    |              |        | Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè.                               |  |
| 36                                                                           | Nguyễn Thị Thanh Tuyền     | 7,0   | 8,0 | 7,0  | 9,0  |  | 5,5   | 5,3   | 6,4    | 6.3    |              |        | Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè.                               |  |
| 37                                                                           | Nguyễn Lê Cát Tường        | 8,0   | 7,0 | 9,0  | 8,0  |  | 7,3   | 5,3   | 6,9    | 7.0    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 38                                                                           | Nguyễn Thị Cẩm Vân         | 9,0   | 7,0 | 8,0  | 8,0  |  | 6,5   | 6,0   | 7,0    | 6.9    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 39                                                                           | Nguyễn Hồ Quốc Việt        | 7,0   | 8,0 | 9,0  | 7,0  |  | 5,5   | 5,5   | 6,5    | 6.4    |              |        | Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè.                               |  |
| 40                                                                           | Nguyễn Ngọc Thảo Vy        | 8,0   | 9,0 | 8,0  | 9,0  |  | 7,5   | 7,0   | 7,8    | 7.7    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần hợp tác tốt                              |  |
| 41                                                                           | Nguyễn Lê Như Ý            | 8,0   | 8,0 | 9,0  | 9,0  |  | 7,5   | 8,0   | 8,1    | 7.9    |              |        | Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao      |  |
| 42                                                                           | Đỗ Thị Kim Yến             |       |     |      |      |  |       |       |        |        |              |        |                                                                          |  |

Giáo viên môn học  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thảo

| HỌC KỲ II                                                                                             |                            |       |      |      |  |  |       |       |        |        |              |        |                                |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------|------|------|--|--|-------|-------|--------|--------|--------------|--------|--------------------------------|
| Giáo dục kinh tế và pháp luật (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |                            |       |      |      |  |  |       |       |        |        |              |        |                                |
| STT                                                                                                   | Họ và tên                  | ĐĐGtx |      |      |  |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                        |
|                                                                                                       |                            |       |      |      |  |  |       |       |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                                |
| 1                                                                                                     | Nguyễn Tuấn Anh            | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,5   | 9,7    | 9.5    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 2                                                                                                     | Phan Nguyễn Hoài Ân        | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,5   | 9,7    | 9.6    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 3                                                                                                     | Nguyễn Nam Bình            | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,1    | 9.0    |              |        | Ngoan, lễ phép. Học tốt.       |
| 4                                                                                                     | Ngô Trần Minh Duy          |       |      |      |  |  |       |       |        |        |              |        |                                |
| 5                                                                                                     | Hồ Thanh Duy               | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,0   | 9,3   | 9,0    | 9.0    |              |        | Ngoan, lễ phép. Học tốt.       |
| 6                                                                                                     | Nguyễn Thị Ngân Giang      | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,2    | 9.1    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 7                                                                                                     | Huỳnh Ngọc Hà              | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,4    | 9.4    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 8                                                                                                     | Nguyễn Ngọc Hân            | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,6    | 9.5    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 9                                                                                                     | Phan Thị Mai Huyền         | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,4    | 9.5    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 10                                                                                                    | Võ Đăng Khoa               | 10,0  | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,3    | 9.2    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 11                                                                                                    | Thạch Khải Khoa            | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,0   | 0,0   | 5,6    | 6.6    |              |        |                                |
| 12                                                                                                    | Nguyễn Ngọc Thuỷ Linh      | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,5   | 9,7    | 9.5    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 13                                                                                                    | Nguyễn Thiện Nhân          | 9,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,1    | 9.0    |              |        | Ngoan, lễ phép. Học tốt.       |
| 14                                                                                                    | Trần Ngọc Nhi              | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,0   | 9,3   | 9,0    | 9.0    |              |        | Ngoan, lễ phép. Học tốt.       |
| 15                                                                                                    | Nguyễn Thị Tuyết Nhung     | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,3   | 9,6    | 9.6    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 16                                                                                                    | Huỳnh Minh Phát            | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,4    | 9.4    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 17                                                                                                    | Phạm Văn Phi               | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,1    | 9.0    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 18                                                                                                    | Huỳnh Thanh Phong          | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,5   | 9,7    | 9.6    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 19                                                                                                    | Chung Minh Tài             | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,0   | 9,3   | 9,4    | 9.5    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 20                                                                                                    | Võ Hoàng Minh Tài          | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,3    | 9.4    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 21                                                                                                    | Huỳnh Tấn Tài              | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,5   | 9,7    | 9.7    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 22                                                                                                    | Nguyễn Thành Tài           | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,5   | 9,7    | 9.5    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 23                                                                                                    | Cam Vinh Thiên             | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,5   | 9,7    | 9.7    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 24                                                                                                    | Đào Phúc Thịnh             | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,5   | 9,7    | 9.6    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 25                                                                                                    | Nguyễn Trúc Thanh Thuận    | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,5   | 9,7    | 9.6    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 26                                                                                                    | Nguyễn Ngọc Minh Thư       | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,4    | 9.5    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 26                                                                                                    | Đặng Lệ Thủy               |       |      |      |  |  |       |       |        |        |              |        |                                |
| 28                                                                                                    | Trương Nguyễn Bảo Trân     | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,4    | 9.5    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 29                                                                                                    | Nguyễn Ngọc Trân           | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,3    | 9.2    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 30                                                                                                    | Đỗ Minh Trí                | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,2    | 9.1    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 31                                                                                                    | Lê Thị Ngọc Trinh          | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,6    | 9.6    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 32                                                                                                    | Lê Văn Trọng               | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,5   | 9,7    | 9.5    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 33                                                                                                    | Nguyễn Thị Thanh Trúc      | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,3   | 9,6    | 9.6    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 34                                                                                                    | Nguyễn Thanh Châu Tuấn     | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,5   | 9,7    | 9.4    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 35                                                                                                    | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,5   | 9,7    | 9.5    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 36                                                                                                    | Nguyễn Thị Thanh Tuyền     | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,3   | 9,5    | 9.5    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 37                                                                                                    | Nguyễn Lê Cát Tường        | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,4    | 9.4    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 38                                                                                                    | Nguyễn Thị Cẩm Vân         | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,6    | 9.6    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 39                                                                                                    | Nguyễn Hồ Quốc Việt        | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,0   | 9,3   | 9,1    | 9.3    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 40                                                                                                    | Nguyễn Ngọc Thảo Vy        | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,6    | 9.6    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 41                                                                                                    | Nguyễn Lê Như Ý            | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,4    | 9.5    |              |        | Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt. |
| 42                                                                                                    | Đỗ Thị Kim Yến             |       |      |      |  |  |       |       |        |        |              |        |                                |

Giáo viên môn học  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

| HỌC KỲ II                                                     |                              |                                   |   |  |  |  |         |         |        |          |                                        |         |                        |
|---------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|---|--|--|--|---------|---------|--------|----------|----------------------------------------|---------|------------------------|
| Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét) |                              |                                   |   |  |  |  |         |         |        |          |                                        |         |                        |
| STT                                                           | Họ và tên                    | Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ) |   |  |  |  |         |         |        |          |                                        | Ghi Chú |                        |
|                                                               |                              | Thường Xuyên                      |   |  |  |  | Giữa kỳ | Cuối kỳ | Học kỳ | Cuối năm | Mức đánh giá lại Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ) |         |                        |
|                                                               |                              |                                   |   |  |  |  |         |         |        |          | Học kỳ                                 |         | Cuối năm               |
| 1                                                             | Nguyễn Tuấn Anh              | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá tốt     |
| 2                                                             | Phan Nguyễn Hoài Ân          | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá         |
| 3                                                             | Nguyễn Nam Bình              | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 4                                                             | <del>Ngô Trần Minh Duy</del> |                                   |   |  |  |  |         |         |        |          |                                        |         |                        |
| 5                                                             | Hồ Thanh Duy                 | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 6                                                             | Nguyễn Thị Ngân Giang        | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá         |
| 7                                                             | Huỳnh Ngọc Hà                | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá         |
| 8                                                             | Nguyễn Ngọc Hân              | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá tốt     |
| 9                                                             | Phan Thị Mai Huyền           | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 10                                                            | Võ Đăng Khoa                 | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 11                                                            | Thạch Khải Khoa              | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 12                                                            | Nguyễn Ngọc Thuý Linh        | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá tốt     |
| 13                                                            | Nguyễn Thiện Nhân            | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá         |
| 14                                                            | Trần Ngọc Nhi                | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 15                                                            | Nguyễn Thị Tuyết Nhung       | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 16                                                            | Huỳnh Minh Phát              | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá tốt     |
| 17                                                            | Phạm Văn Phi                 | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá tốt     |
| 18                                                            | Huỳnh Thanh Phong            | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá         |
| 19                                                            | Chung Minh Tài               | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 20                                                            | Võ Hoàng Minh Tài            | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 21                                                            | Huỳnh Tấn Tài                | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 22                                                            | Nguyễn Thành Tài             | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 23                                                            | Cam Vĩnh Thiên               | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá tốt     |
| 24                                                            | Đào Phúc Thịnh               | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá tốt     |
| 25                                                            | Nguyễn Trúc Thanh Thuận      | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá         |
| 26                                                            | Nguyễn Ngọc Minh Thư         | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá         |
| 26                                                            | <del>Đặng Lệ Thủy</del>      |                                   |   |  |  |  |         |         |        |          |                                        |         |                        |
| 28                                                            | Trương Nguyễn Bảo Trân       | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 29                                                            | Nguyễn Ngọc Trân             | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá         |
| 30                                                            | Đỗ Minh Trí                  | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 31                                                            | Lê Thị Ngọc Trinh            | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 32                                                            | Lê Văn Trọng                 | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá         |
| 33                                                            | Nguyễn Thị Thanh Trúc        | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá tốt     |
| 34                                                            | Nguyễn Thanh Châu Tuấn       | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 35                                                            | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền   | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá tốt     |
| 36                                                            | Nguyễn Thị Thanh Tuyền       | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá         |
| 37                                                            | Nguyễn Lê Cát Tường          | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá tốt     |
| 38                                                            | Nguyễn Thị Cẩm Vân           | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 39                                                            | Nguyễn Hồ Quốc Việt          | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Hoàn thành tốt môn học |
| 40                                                            | Nguyễn Ngọc Thảo Vy          | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá         |
| 41                                                            | Nguyễn Lê Như Ý              | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                                        |         | Ngoan, học khá tốt     |
| 42                                                            | <del>Đỗ Thị Kim Yến</del>    |                                   |   |  |  |  |         |         |        |          |                                        |         |                        |

Giáo viên môn học  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Lệ Huyền

| HĐTrN-HN              |                              |                      |   |  |  |  |  |         |         |        |          |                  |          | HỌC KỲ II                                                 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-----------------------|------------------------------|----------------------|---|--|--|--|--|---------|---------|--------|----------|------------------|----------|-----------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|                       |                              |                      |   |  |  |  |  |         |         |        |          |                  |          | (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)                 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| STT                   | Họ và tên                    | Mức đánh giá         |   |  |  |  |  |         |         |        |          |                  |          | Ghi Chú                                                   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|                       |                              | Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ) |   |  |  |  |  |         |         |        |          |                  |          |                                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|                       |                              | Thường Xuyên         |   |  |  |  |  | Giữa kỳ | Cuối kỳ | Học kỳ | Cuối năm | Mức đánh giá lại |          |                                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ) |                              |                      |   |  |  |  |  |         |         |        |          | Học kỳ           | Cuối năm |                                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1                     | Nguyễn Tuấn Anh              | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2                     | Phan Nguyễn Hoài Ân          | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3                     | Nguyễn Nam Bình              | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4                     | <del>Ngô Trần Minh Duy</del> |                      |   |  |  |  |  |         |         |        |          |                  |          |                                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5                     | Hồ Thanh Duy                 | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6                     | Nguyễn Thị Ngân Giang        | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7                     | Huỳnh Ngọc Hà                | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8                     | Nguyễn Ngọc Hân              | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9                     | Phan Thị Mai Huyền           | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10                    | Võ Đăng Khoa                 | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11                    | Thạch Khải Khoa              | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       |         |        |          |                  |          |                                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12                    | Nguyễn Ngọc Thuý Linh        | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 13                    | Nguyễn Thiện Nhân            | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 14                    | Trần Ngọc Nhi                | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 15                    | Nguyễn Thị Tuyết Nhung       | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 16                    | Huỳnh Minh Phát              | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 17                    | Phạm Văn Phi                 | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 18                    | Huỳnh Thanh Phong            | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 19                    | Chung Minh Tài               | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 20                    | Võ Hoàng Minh Tài            | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 21                    | Huỳnh Tấn Tài                | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 22                    | Nguyễn Thành Tài             | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 23                    | Cam Vĩnh Thiên               | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 24                    | Đào Phúc Thịnh               | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 25                    | Nguyễn Trúc Thanh Thuận      | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 26                    | Nguyễn Ngọc Minh Thư         | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 26                    | <del>Đặng Lê Thủy</del>      |                      |   |  |  |  |  |         |         |        |          |                  |          |                                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 28                    | Trương Nguyễn Bảo Trân       | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 29                    | Nguyễn Ngọc Trân             | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 30                    | Đỗ Minh Trí                  | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 31                    | Lê Thị Ngọc Trinh            | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 32                    | Lê Văn Trọng                 | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 33                    | Nguyễn Thị Thanh Trúc        | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 34                    | Nguyễn Thanh Châu Tuấn       | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 35                    | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền   | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 36                    | Nguyễn Thị Thanh Tuyền       | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 37                    | Nguyễn Lê Cát Tường          | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 38                    | Nguyễn Thị Cẩm Vân           | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 39                    | Nguyễn Hồ Quốc Việt          | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 40                    | Nguyễn Ngọc Thảo Vy          | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 41                    | Nguyễn Lê Như Ý              | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 42                    | <del>Đỗ Thị Kim Yến</del>    |                      |   |  |  |  |  |         |         |        |          |                  |          |                                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Giáo viên môn học  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

| Số<br>T<br>T | Họ và tên                  | Môn học đánh<br>giá bằng nhận<br>xét |              | Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm<br>số |         |         |        |         |      |                                     | Kết<br>quả<br>học<br>tập | Kết<br>quả<br>rèn<br>luyện |
|--------------|----------------------------|--------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------|---------|---------|--------|---------|------|-------------------------------------|--------------------------|----------------------------|
|              |                            | Giáo dục<br>địa phương               | HĐTrN-<br>HN | Vật lý                                                          | Lịch sử | Ngữ văn | Địa Lý | Tin học | Toán | Giáo dục<br>kinh tế và<br>pháp luật |                          |                            |
| 1            | Nguyễn Tuấn Anh            | Đ                                    | Đ            | 7,1                                                             | 7,9     | 4,8     | 7,4    | 7,6     | 6,7  | 9,7                                 | Đ                        | T                          |
| 2            | Phan Nguyễn Hoài Ân        | Đ                                    | Đ            | 7,7                                                             | 7,7     | 5,0     | 5,9    | 7,5     | 7,2  | 9,7                                 | K                        | T                          |
| 3            | Nguyễn Nam Bình            | Đ                                    | Đ            | 6,8                                                             | 8,0     | 5,1     | 5,8    | 6,8     | 6,9  | 9,1                                 | K                        | T                          |
| 4            | Ngô Trần Minh Duy          |                                      |              |                                                                 |         |         |        |         |      |                                     |                          |                            |
| 5            | Hồ Thanh Duy               | Đ                                    | Đ            | 7,3                                                             | 7,5     | 5,1     | 4,6    | 7,5     | 7,1  | 9,0                                 | Đ                        | T                          |
| 6            | Nguyễn Thị Ngân Giang      | Đ                                    | Đ            | 7,4                                                             | 8,4     | 5,1     | 7,1    | 9,1     | 6,4  | 9,2                                 | K                        | T                          |
| 7            | Huỳnh Ngọc Hà              | Đ                                    | Đ            | 7,3                                                             | 8,4     | 5,2     | 7,1    | 8,8     | 7,3  | 9,4                                 | K                        | T                          |
| 8            | Nguyễn Ngọc Hân            | Đ                                    | Đ            | 7,1                                                             | 8,7     | 5,3     | 6,8    | 8,9     | 7,6  | 9,6                                 | K                        | T                          |
| 9            | Phan Thị Mai Huyền         | Đ                                    | Đ            | 7,8                                                             | 8,4     | 5,3     | 6,5    | 8,7     | 7,0  | 9,4                                 | K                        | T                          |
| 10           | Võ Đăng Khoa               | Đ                                    | Đ            | 6,7                                                             | 7,6     | 5,0     | 5,9    | 6,5     | 6,4  | 9,3                                 | Đ                        | T                          |
| 11           | Thạch Khải Khoa            | Đ                                    |              | 3,3                                                             |         | 5,7     |        | 4,3     | 4,8  | 5,6                                 |                          |                            |
| 12           | Nguyễn Ngọc Thuý Linh      | Đ                                    | Đ            | 7,5                                                             | 8,5     | 5,3     | 6,1    | 6,7     | 7,3  | 9,7                                 | K                        | T                          |
| 13           | Nguyễn Thiện Nhân          | Đ                                    | Đ            | 7,0                                                             | 7,9     | 5,3     | 5,6    | 7,5     | 6,9  | 9,1                                 | K                        | T                          |
| 14           | Trần Ngọc Nhi              | Đ                                    | Đ            | 8,4                                                             | 8,1     | 5,5     | 7,3    | 7,1     | 8,2  | 9,0                                 | K                        | K                          |
| 15           | Nguyễn Thị Tuyết Nhung     | Đ                                    | Đ            | 7,4                                                             | 8,2     | 5,3     | 7,2    | 9,3     | 7,2  | 9,6                                 | K                        | T                          |
| 16           | Huỳnh Minh Phát            | Đ                                    | Đ            | 6,7                                                             | 8,1     | 5,1     | 6,3    | 8,0     | 7,1  | 9,4                                 | K                        | T                          |
| 17           | Phạm Văn Phi               | Đ                                    | Đ            | 6,7                                                             | 8,0     | 5,0     | 5,8    | 7,0     | 6,3  | 9,1                                 | Đ                        | T                          |
| 18           | Huỳnh Thanh Phong          | Đ                                    | Đ            | 8,1                                                             | 8,8     | 5,7     | 6,2    | 8,3     | 7,2  | 9,7                                 | K                        | T                          |
| 19           | Chung Minh Tài             | Đ                                    | Đ            | 7,3                                                             | 8,4     | 5,2     | 6,8    | 7,9     | 6,6  | 9,4                                 | K                        | T                          |
| 20           | Võ Hoàng Minh Tài          | Đ                                    | Đ            | 7,9                                                             | 8,6     | 5,1     | 7,0    | 7,9     | 8,4  | 9,3                                 | K                        | T                          |
| 21           | Huỳnh Tấn Tài              | Đ                                    | Đ            | 7,2                                                             | 7,9     | 4,9     | 6,0    | 7,8     | 6,7  | 9,7                                 | Đ                        | T                          |
| 22           | Nguyễn Thành Tài           | Đ                                    | Đ            | 7,8                                                             | 8,7     | 4,8     | 8,4    | 7,5     | 6,9  | 9,7                                 | Đ                        | T                          |
| 23           | Cam Vĩnh Thiên             | Đ                                    | Đ            | 7,7                                                             | 8,6     | 5,1     | 6,9    | 7,7     | 6,9  | 9,7                                 | K                        | T                          |
| 24           | Đào Phúc Thịnh             | Đ                                    | Đ            | 7,2                                                             | 8,0     | 5,5     | 6,3    | 7,2     | 6,8  | 9,7                                 | K                        | T                          |
| 25           | Nguyễn Trúc Thanh Thuận    | Đ                                    | Đ            | 7,1                                                             | 8,1     | 5,0     | 6,7    | 7,6     | 6,5  | 9,7                                 | K                        | T                          |
| 26           | Nguyễn Ngọc Minh Thư       | Đ                                    | Đ            | 7,9                                                             | 8,8     | 6,1     | 7,1    | 9,1     | 9,0  | 9,4                                 | K                        | T                          |
| 26           | Đặng Lệ Thủy               |                                      |              |                                                                 |         |         |        |         |      |                                     |                          |                            |
| 28           | Trương Nguyễn Bảo Trân     | Đ                                    | Đ            | 7,2                                                             | 8,3     | 5,0     | 6,3    | 9,2     | 7,1  | 9,4                                 | K                        | T                          |
| 29           | Nguyễn Ngọc Trân           | Đ                                    | Đ            | 6,7                                                             | 8,3     | 5,2     | 6,1    | 7,4     | 7,0  | 9,3                                 | K                        | T                          |
| 30           | Đỗ Minh Trí                | Đ                                    | Đ            | 7,0                                                             | 8,6     | 6,0     | 7,4    | 6,7     | 6,4  | 9,2                                 | K                        | T                          |
| 31           | Lê Thị Ngọc Trinh          | Đ                                    | Đ            | 6,8                                                             | 8,3     | 5,9     | 7,1    | 8,3     | 7,3  | 9,6                                 | K                        | T                          |
| 32           | Lê Văn Trọng               | Đ                                    | Đ            | 7,0                                                             | 9,1     | 5,7     | 6,8    | 7,6     | 6,3  | 9,7                                 | K                        | T                          |
| 33           | Nguyễn Thị Thanh Trúc      | Đ                                    | Đ            | 7,0                                                             | 8,2     | 6,4     | 7,1    | 8,7     | 7,3  | 9,6                                 | K                        | T                          |
| 34           | Nguyễn Thanh Châu Tuấn     | Đ                                    | Đ            | 6,2                                                             | 9,0     | 5,3     | 7,4    | 7,8     | 6,2  | 9,7                                 | Đ                        | T                          |
| 35           | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền | Đ                                    | Đ            | 8,5                                                             | 7,8     | 7,3     | 7,4    | 7,4     | 6,4  | 9,7                                 | K                        | T                          |
| 36           | Nguyễn Thị Thanh Tuyền     | Đ                                    | Đ            | 6,6                                                             | 7,8     | 5,2     | 5,1    | 7,6     | 6,4  | 9,5                                 | Đ                        | T                          |
| 37           | Nguyễn Lê Cát Tường        | Đ                                    | Đ            | 7,8                                                             | 8,7     | 5,1     | 6,9    | 9,0     | 6,9  | 9,4                                 | K                        | T                          |
| 38           | Nguyễn Thị Cẩm Vân         | Đ                                    | Đ            | 7,3                                                             | 8,7     | 5,0     | 6,4    | 8,7     | 7,0  | 9,6                                 | K                        | T                          |
| 39           | Nguyễn Hồ Quốc Việt        | Đ                                    | Đ            | 7,0                                                             | 8,5     | 5,2     | 6,1    | 8,6     | 6,5  | 9,1                                 | K                        | T                          |
| 40           | Nguyễn Ngọc Thảo Vy        | Đ                                    | Đ            | 7,9                                                             | 8,8     | 6,6     | 7,9    | 8,8     | 7,8  | 9,6                                 | K                        | T                          |
| 41           | Nguyễn Lê Như Ý            | Đ                                    | Đ            | 8,1                                                             | 8,8     | 5,7     | 6,3    | 8,9     | 8,1  | 9,4                                 | K                        | T                          |
| 42           | Đỗ Thị Kim Yến             |                                      |              |                                                                 |         |         |        |         |      |                                     |                          |                            |

Giáo viên chủ nhiệm  
Ký và ghi rõ họ tên

Đinh Thị Hồng Lan

# **PHẦN GHI KẾT QUẢ**

## **CUỐI NĂM HỌC**

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

| Số TT | Họ và tên                  | Mức đánh giá      |                 | Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại |                 | Tổng số buổi nghỉ học | Được lên lớp | Không được lên lớp | Khen thưởng | Tổng hợp chung                               |
|-------|----------------------------|-------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|--------------|--------------------|-------------|----------------------------------------------|
|       |                            | Kết quả rèn luyện | Kết quả học tập | Kết quả rèn luyện                                                       | Kết quả học tập |                       |              |                    |             |                                              |
| 1     | Nguyễn Tuấn Anh            | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |             | Tổng số học viên: 39                         |
| 2     | Phan Nguyễn Hoài Ân        | T                 | K               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 3     | Nguyễn Nam Bình            | T                 | K               |                                                                         |                 | 5                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 4     | Ngô Trần Minh Duy          | -                 | -               |                                                                         |                 |                       | -            |                    | -           |                                              |
| 5     | Hồ Thanh Duy               | T                 | K               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 6     | Nguyễn Thị Ngân Giang      | T                 | K               |                                                                         |                 | 9                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 7     | Huỳnh Ngọc Hà              | T                 | K               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 8     | Nguyễn Ngọc Hân            | T                 | K               |                                                                         |                 | 3                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 9     | Phan Thị Mai Huyền         | T                 | K               |                                                                         |                 | 6                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 10    | Võ Đăng Khoa               | T                 | Đ               |                                                                         |                 | 6                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 11    | Thạch Khải Khoa            |                   |                 |                                                                         |                 | 24                    |              |                    |             | - Không được lên lớp: 0                      |
| 12    | Nguyễn Ngọc Thuỷ Linh      | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 13    | Nguyễn Thiện Nhân          | T                 | K               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 14    | Trần Ngọc Nhi              | K                 | K               |                                                                         |                 | 43                    | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 15    | Nguyễn Thị Tuyết Nhung     | T                 | K               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 16    | Huỳnh Minh Phát            | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 17    | Phạm Văn Phi               | T                 | Đ               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 18    | Huỳnh Thanh Phong          | T                 | K               |                                                                         |                 | 5                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 19    | Chung Minh Tài             | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 20    | Võ Hoàng Minh Tài          | T                 | K               |                                                                         |                 | 3                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 21    | Huỳnh Tấn Tài              | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |             | Giáo viên chủ nhiệm<br>(Ký và ghi rõ họ tên) |
| 22    | Nguyễn Thành Tài           | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 23    | Cam Vinh Thiên             | T                 | K               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 24    | Đào Phúc Thịnh             | T                 | K               |                                                                         |                 | 5                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 25    | Nguyễn Trúc Thanh Thuận    | T                 | Đ               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 26    | Nguyễn Ngọc Minh Thư       | T                 | K               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 26    | Đặng Lê Thuỷ               | -                 | -               |                                                                         |                 |                       | -            |                    | -           |                                              |
| 27    | Đặng Lê Thuỷ               | -                 | -               |                                                                         |                 |                       | -            |                    | -           |                                              |
| 28    | Trương Nguyễn Bảo Trân     | T                 | K               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 29    | Nguyễn Ngọc Trân           | T                 | K               |                                                                         |                 | 8                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 30    | Đỗ Minh Trí                | T                 | K               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |             | Đinh Thị Hồng Lan                            |
| 31    | Lê Thị Ngọc Trinh          | T                 | K               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 32    | Lê Văn Trọng               | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 33    | Nguyễn Thị Thanh Trúc      | T                 | K               |                                                                         |                 | 3                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 34    | Nguyễn Thanh Châu Tuấn     | T                 | Đ               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 35    | Trịnh Mai Hoàng Mộng Tuyền | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 36    | Nguyễn Thị Thanh Tuyền     | T                 | Đ               |                                                                         |                 | 3                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 37    | Nguyễn Lê Cát Tường        | T                 | K               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 38    | Nguyễn Thị Cẩm Vân         | T                 | K               |                                                                         |                 | 5                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 39    | Nguyễn Hồ Quốc Việt        | T                 | K               |                                                                         |                 | 4                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 40    | Nguyễn Ngọc Thảo Vy        | T                 | K               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |             | Nguyễn Minh Triều                            |
| 41    | Nguyễn Lê Như Ý            | T                 | K               |                                                                         |                 | 7                     | Lên lớp      |                    |             |                                              |
| 42    | Đỗ Thị Kim Yến             | -                 | -               |                                                                         |                 |                       | -            |                    | -           |                                              |
|       |                            |                   |                 |                                                                         |                 |                       |              |                    |             |                                              |

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG  
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC VIÊN**

| Tháng    | Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ | Ký tên, đóng dấu  |
|----------|-------------------------------|-------------------|
| Tháng 8  |                               | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 9  |                               | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 10 |                               | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 11 |                               | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 12 |                               | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 1  |                               | Nguyễn Minh Triều |

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ  
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC VIÊN**

| Tháng   | Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ | Ký tên, đóng dấu  |
|---------|-------------------------------|-------------------|
| Tháng 2 |                               | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 3 |                               | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 4 |                               | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 5 |                               | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 6 |                               | Nguyễn Minh Triều |
|         |                               |                   |